

■ **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:**

TS. Đặng Công Huân
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
Chủ tịch Hội đồng Biên tập
Bùi Ngọc Lam
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

■ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:**

Ths. Nguyễn Thị Hoa

■ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:**

Ths. Đỗ Mạnh Hùng
Trần Đắc Xuyên

■ **TÒA SOẠN:**

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn
Đường dây nóng: 091.863.5289

● **Phòng Trị sự:**

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065
E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com
Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

● **Phòng Phóng viên & Biên tập:**

ĐT: 080.49073
E-mail: tapchithanhtrabtt@gmail.com

● **Phòng Truyền thông và Phát hành:**

ĐT: 080.49082 / 080.49070
Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com

● **Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:**

ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân,
TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622
Email: tapchithanhtra496@gmail.com

■ **GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:**

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

■ **BÌA 1:** Bí thư Thành ủy Hà Nội

Ưng Vương Đình Huệ và đoàn kiểm tra
công tác phòng, chống dịch Covid-19
tại Bệnh viện Đa khoa Đức Giang.

■ **ẢNH BÌA 1:** PV

■ **THIẾT KẾ:** Nguyễn Tạo

■ **IN TẠI:** Công ty TNHH In và Quảng cáo Tân Thành Phát

■ **NỘP LƯU CHIẾU:** Tháng 3/2020

Ấn phẩm được phát hành qua ngành
Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các
Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

□ **CHÍNH LUẬN**



3 TS. Đinh Văn Minh: “Chống dịch như chống giặc” - Quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam



5 Ths. Lưu Thị Tuyết Trinh, Ths. Nguyễn Thị Kim Liên: Từ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nghĩ về vai trò của người phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng và xây dựng đất nước

□ **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**



9 PGS. TS Vũ Thư, Ths. Đinh Thị Hậu: Quan điểm, giải pháp nhằm bảo đảm việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

MỤC LỤC

13 Ths. Lê Quang Kiệt: Tác động của tham nhũng trong đầu tư công nhìn từ lý thuyết kinh tế học thể chế

15 Dương Văn Quý: Xử lý kỷ luật cán bộ, công chức về hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực



17 Lan Anh: Công tác quản lý khoa học của Thanh tra Chính phủ trước yêu cầu đổi mới

20 Hồ Thị Thu An: Kết quả thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021” năm 2019



23 Ths. Đặng Thùy Trâm: Những vấn đề lý luận chung về việc sử dụng tình huống giảng dạy chuyên đề Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân

26 Ths. Lê Thị Hương Thủy: Quy định về thủ tục đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật - Thực trạng và một số kiến nghị



30 Vũ Việt Hà, Trương Minh Trúc: Học viên công an nhân dân với công tác bảo vệ an ninh mạng trong thời đại số hóa



VĂN HÓA - XÃ HỘI

34 Minh Trang: Nỗi nhớ tháng Ba



36 Trần Văn Thiên: Về thương hoa gạo

37 *Truyện ngắn của* Ma Văn Kháng: Thả con chim câu về rừng

TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT



39 Đỗ Quyên: Những nội dung cơ bản của Nghị định số 26/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước

41 Phạm Phương Thảo: Văn bản mới ban hành

KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI



44 Đỗ Hữu Thùy Dương: Vài nét về công tác chống tham nhũng ở Nhật Bản



“Chống dịch như chống giặc” - Quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam

 TS. Đinh Văn Minh

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ

Trong khi cả thế giới đang rúng động, thậm chí đã có dấu hiệu hoảng loạn do không đánh giá hết tính chất phức tạp, nguy hiểm của COVID-19, thì chính những khó khăn của “cuộc chiến” này là một cuộc thử thách bản lĩnh và trí tuệ của những nhà lãnh đạo Chính phủ ta, vốn đang hiện thực hóa thành công mục tiêu kiến tạo, hành động, liêm chính, vì nhân dân phục vụ.

Chính phủ, cơ quan có trọng trách chăm lo chuyện “quốc kế dân sinh”, chuyện “cơm áo gạo tiền” cho mỗi người dân và sự an toàn của xã hội, đang cùng nhân dân chiến đấu với đại dịch ở giai đoạn phức tạp nhất. Rất có thể khối đại đoàn kết toàn dân sẽ phải trải qua nhiều khó khăn gian khổ hơn nữa, nhưng những kết quả bước đầu đã giúp người dân vững tâm và có nhìn nhận lạc quan vào chiến thắng cuối cùng.

Những chỉ đạo cụ thể và hiệu quả

“Chống dịch như chống giặc” - Quyết tâm đó của Chính phủ đã thể hiện thái độ mạnh mẽ cũng như sự sáng suốt khi nhìn thấy tai họa cận kề chặn ngay từ đầu và cùng với đó là hàng loạt các biện pháp được triển khai ở mọi ngành mọi cấp và đến từng người dân.

Có thể nói, sự chỉ đạo của Chính phủ được thực hiện từng giờ, từng phút, mọi lúc, mọi nơi. Những người đứng đầu Chính phủ hiện diện ở những điểm nóng nhất với những chỉ đạo cụ thể và có hiệu quả.

Ngay khi bắt đầu manh nha những kẻ lợi dụng tình hình để đầu cơ tích trữ, nâng



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Lễ phát động toàn dân ủng hộ phòng, chống dịch COVID-19. Ảnh: PV



Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam chủ trì một cuộc họp Ban chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch COVID-19. Ảnh: PV

giá khẩu trang, lập tức công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai mạnh mẽ, xử lý nghiêm minh những kẻ vi phạm. Cùng với đó, các doanh nghiệp được chỉ đạo tập trung sản xuất kịp thời khẩu trang để phục vụ công cuộc chống dịch.

Khi người dân lo lắng tích trữ lương thực, thực phẩm thì lập tức Chính phủ chỉ đạo các bộ ngành liên quan thực hiện ngay các giải pháp bảo đảm hàng hóa luôn dồi dào.



Hình ảnh những người đứng đầu Chính phủ ngày đêm lo lắng chỉ đạo công việc trong những ngày qua không chỉ làm xúc động lòng người mà hơn thế nữa, nó làm cho mỗi người dân cảm thấy được an toàn. Khó khăn càng chứng minh cho tinh thần, trí tuệ và cả lòng nhân ái của con người Việt Nam.

Cho đến nay, mặc dù đã phải bỏ biết bao công sức, tiền của chống dịch nhưng Việt Nam chưa thu tiền ăn, tiền điều trị của bất cứ cá nhân nào. Công an, quân đội sẵn sàng nhường cơm sẻ áo phục vụ tận tình, chu đáo bất kể người cách ly là ai. Người cách ly được nhận hỗ trợ hàng ngày trong khi chính những người thầy thuốc tận tâm với công việc, đối diện với hiểm nguy lại không màng một đồng bồi dưỡng.

Tất cả là trách nhiệm, là tấm lòng, là tình yêu với con người, đất nước. Thủ tướng đã nói rằng dân tộc ta có “vaccine” đó là tinh thần vượt khó, đoàn kết và niềm tin và thứ “vaccine” đặc biệt đó đã được những người lãnh đạo đất nước phát huy tác dụng ở mức cao nhất trong thời khắc khó khăn này.

Chúng ta chấp nhận những thiệt hại kinh tế để bảo vệ người dân. Nhưng cũng không vì dịch bệnh mà buông xuôi, đình trệ

kinh tế. Thủ tướng Chính phủ đã gặp gỡ những người đứng đầu doanh nghiệp lớn để bàn đến những giải pháp tổng thể cũng như ngay lập tức đã có những gói hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

Phản ứng nhanh của Chính phủ như một liều thuốc tăng lực giúp doanh nghiệp vững tâm vượt qua khó khăn. Khó khăn gấp đôi thì chúng ta phải cố gắng gấp ba. Nhất định chúng ta sẽ giành chiến thắng kép: thắng lợi trên mặt trận chống dịch và thắng lợi cả trên mặt trận kinh tế. Đó là niềm tin, đó là mệnh lệnh!

Chủ động công khai, minh bạch thông tin

Chiến đấu với đại dịch COVID-19, chúng ta còn phải chiến đấu với đại dịch tin giả với những hậu quả thật khôn lường. Những kẻ thiếu hiểu biết, coi thường pháp luật lan truyền thông tin sai sự thật, gây không ít khó khăn, thậm chí có những kẻ hậm hực với những gì chúng ta đạt được và tận dụng mọi cơ hội để gây rối loạn tình hình. Cuộc chiến chống virus trên “mặt trận” bản phím cũng thật cam go và không thể thiếu bản lĩnh và trí tuệ của những người lãnh đạo thời 4.0.

Chủ động thông tin, minh bạch thông tin chính là liều “vaccine” ngăn chặn sự

phát tán lây lan của những virus fake news độc hại và chúng ta đã làm rất tốt điều đó. Tin nhắn của Thủ tướng, của Bộ Y tế, các thông tin về tình hình dịch bệnh và phương pháp phòng, chống dịch bệnh đầy áp trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng đến từng gia đình, ngõ xóm đã tạo ra “hệ miễn dịch” tốt nhất cho mỗi người dân tránh những thông tin ác ý, độc hại.

Cùng với nhiều biện pháp có hiệu quả khác, Chính phủ chỉ đạo xử lý nghiêm khắc những kẻ tung tin giả, kể cả xử lý hình sự những kẻ cố tình vi phạm. Cái tốt đẹp lên ngôi, cái xấu xa phải chùn bước. Mỗi người chúng ta hãy dùng mạng xã hội một cách thông minh và tinh táo. Hành động có trách nhiệm vì cộng đồng đó là những gì mỗi người cần làm lúc này để chung tay cùng Chính phủ chặn đứng dịch bệnh lây lan.

Một Chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động, vì nhân dân phục vụ không còn chỉ là mong muốn của nhân dân, không chỉ có mặt trong những bài phát biểu, mà giờ đây đã thực sự hiện diện, ngày càng sáng rõ, giúp chúng ta vững tin vào thắng lợi cuối cùng của “cuộc chiến chống giặc COVID-19”, cùng chúng ta vượt qua mọi khó khăn trở ngại trên con đường đi tới âm no, hạnh phúc./.



Cuộc họp Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 của Hà Nội



Từ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nghĩ về vai trò của người phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng và xây dựng đất nước

 **Ths. Lưu Thị Tuyết Trinh**

Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh

 **Ths. Nguyễn Thị Kim Liên**

Trưởng phòng Tuyên truyền - Giáo dục

Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh



Ảnh: ST

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, Người đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân. Sinh thời, Người luôn cảm thông, chia sẻ và dành những tình cảm thương yêu, quý mến cũng như đánh giá đúng tầm quan trọng của phụ nữ Việt Nam.

Ở tuổi 75, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng mình thuộc lớp người “xưa nay hiếm”. Tuy cho rằng “tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khỏe”, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh dự báo: “Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm, mấy tháng nữa”. Rõ ràng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự cảm được thời gian còn lại ở cuối cuộc đời mình. Từ dự cảm đó,

đúng 9 giờ ngày 10/5/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bắt đầu viết tài liệu “Tuyệt đối bí mật” - Di chúc. 9 giờ ngày 10/5/1968, khi xem lại tài liệu “Tuyệt đối bí mật”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bổ sung một số vấn đề trong đó có vấn đề quan tâm đến phụ nữ, Người viết: “Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong



sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”⁽¹⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thấu hiểu và cảm thông sâu sắc với nỗi khổ của người phụ nữ Việt Nam khi bị áp bức tàn tệ dưới chế độ phong kiến - thực dân. Cả ở xã hội và trong gia đình, nhân phẩm của họ bị hạ thấp tột bậc và không được hưởng một chút quyền gì: “Ngoài xã hội thì phụ nữ bị xem khinh như nô lệ, ở gia đình thì họ bị kìm hãm trong xiềng xích “tam tòng””.

Càng chứng kiến thực tế đau xót đến tận cùng của thân phận người phụ nữ, Hồ Chủ tịch càng khát khao đến tột cùng một hoài bão, một quyết tâm đem lại sự công bằng, tiến bộ và tôn trọng quyền lợi cho họ. Người đã khẳng định: “Giải phóng phụ nữ vừa là nhiệm vụ, vừa là yêu cầu của cách mạng Việt Nam”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nêu rõ: “Chúng ta làm cách mạng là để đấu tranh lấy quyền bình đẳng; trai, gái đều ngang quyền nhau”. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã nêu rõ chính sách “nam nữ bình quyền”. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vũ lực để thắng lợi trong cuộc cách mạng này là sự tự cường, tự nâng cao trình độ năng lực nhiều mặt của phụ nữ: Văn hóa, chính trị, kinh tế, pháp luật... Vì thế, Người khuyên bảo chị em không ngồi chờ Đảng ra Chỉ thị giải phóng cho mình, mà tự mình phải đấu tranh cho chính mình và phải cách mạng từng người, từng gia đình, đến toàn dân. Cho nên sự nghiệp cách mạng này dù to và khó đến đâu nhưng ta quyết tâm sẽ thực hiện được.

Theo Người, việc đầu tiên là vấn đề đào tạo cán bộ nữ. Vì trong mọi cuộc cách mạng đều phải có cán bộ, hơn nữa đây là một cuộc cách mạng giải phóng chính

người phụ nữ, nên nhất thiết phải có cán bộ nữ, có trình độ văn hóa, chính trị, am hiểu về lý luận cách mạng, đường lối cách mạng, mục đích, tính chất sống còn của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng áp bức, giải phóng phụ nữ... Lớp cán bộ cách mạng Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc đào tạo ở Quảng Châu - Trung Quốc năm 1924 có những cán bộ nữ đầu tiên tham dự như: Lý Phương Thuận, Lý Phương Đức, Nguyễn Thị Minh Khai và nhiều cán bộ nữ khác sau này. Chính nền tảng tư tưởng và tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thêm sức mạnh và niềm tin cho các chị vượt mọi khó khăn và thử thách, từ đó đã xuất hiện nhiều gương cán bộ nữ, chiến sĩ nữ tiêu biểu trên các mặt trận cầm quân, cầm bút và cầm quyền như chị Nguyễn Thị Minh Khai, Tạ Thị Kiều, Nguyễn Thị Định...

Được sự quan tâm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phụ nữ ta ngày một trưởng thành và tiến bộ. Ngày 20/10/1930, Trung ương Đảng quyết định thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, một quyết định quan trọng đã phát huy vai trò trách nhiệm và sức mạnh của toàn thể phụ nữ từ Trung ương đến tỉnh, thành, miền núi, miền xuôi, vùng giải phóng, vùng địch tạm chiếm và phụ nữ các dân tộc. Ngay từ lần Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (06/01/1946), Chính phủ Việt Nam đã khẳng định và tôn trọng quyền bình đẳng của phụ nữ trong xã hội bằng việc công nhận người phụ nữ cũng như đàn ông đều có quyền công dân ngang nhau khi được cầm lá phiếu đi bầu cử. Kết quả, trong số 333 đại biểu Quốc hội có 10 đại biểu là phụ nữ. Với cương vị là Trưởng Ban Dự thảo Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa vào bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 của nước ta nội dung tại Điều 9 quy định: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi mặt”. Như vậy, cả trong văn bản pháp lý và thực tế người phụ nữ đã có quyền bình đẳng ngang với đàn ông.

Từ đó giúp ta thấy rõ quan điểm của Đảng đối với các đoàn thể, đặc biệt là phụ nữ vô cùng quan trọng vì “không có phụ nữ thì cách mạng không thành công”. Trong thực tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã phát huy sức mạnh của phụ nữ trong các cuộc đấu tranh cách mạng, nhất là sau khi phong trào phụ nữ trưởng thành. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng quyết định Trưởng Ban Dân vận là nữ và trong các đoàn thể đều có số lượng phụ nữ chiếm tỷ lệ nhất định.

Ngày 25/4/1957, dự Hội nghị Ban Bí thư bàn về công tác vận động phụ nữ, Người đã nêu một số ý kiến về 3 nguyên tắc lớn trong công tác vận động phụ nữ và nhấn mạnh về chính sách bồi dưỡng đào tạo, sử dụng cán bộ nữ, họp bàn về tổ chức phụ nữ ở nông thôn. Những chủ trương về công tác vận động phụ nữ đều được đưa vào nghị quyết của Đảng, đã đáp ứng kịp thời có hiệu quả trong chủ trương chính sách đối với phụ nữ như: Phong trào phụ nữ cứu quốc; phong trào phụ nữ chống Mỹ cứu nước giết giặc lập công; phong trào phụ nữ 5 tốt; phong trào phụ nữ ba đảm đang... Đó là những phong trào yêu nước rộng khắp, luôn được phụ nữ 2 miền hăng hái tham gia, góp phần to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của toàn dân.

Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn quan tâm đến việc phát huy vai trò của phụ nữ ta với các tổ chức quốc tế. Tháng 10/1946, Người viết thư cho Hội trưởng Phụ nữ, làm đơn xin gia nhập Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ Quốc tế, một sáng kiến kịp thời đã đặt Hội Phụ nữ Việt Nam vào vị trí quốc tế để ta có điều kiện tranh thủ sự ủng hộ của phụ nữ khắp năm châu. Thực tế, Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ Quốc tế đã giúp chị em phụ nữ Việt Nam bồi dưỡng truyền thống dũng cảm kháng chiến, hăng hái đấu tranh chống đế quốc xâm lược, bảo vệ hòa bình thế giới và luôn ủng hộ phụ nữ Việt Nam đấu tranh, không ngừng tiến bộ cùng phụ nữ các nước.



Với sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta về phụ nữ và công tác phụ nữ, phụ nữ Việt Nam đã tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh anh hùng, lao động cần cù, giỏi việc nước, đảm việc nhà. Trong đấu tranh cách mạng, phụ nữ ta từ Bắc đến Nam đều hăng hái tham gia đánh giặc cứu nước. Thời kỳ hoạt động bí mật, nhiều chị em đã giác ngộ, tham gia hoạt động cách mạng rất dũng cảm. Mặc dù trải qua muôn ngàn nguy hiểm, gian khổ, rất nhiều chị em đã bảo vệ cách mạng rất gan góc.

Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, ngoài những đội du kích rất anh dũng đánh địch, còn có các bà mẹ hiền từ tập hợp nhau lại thành Hội Mẹ chiến sĩ, giúp đỡ bộ đội đánh giặc, giúp đỡ, an ủi thương binh. Trong các chiến dịch, có đến 2/3 số dân công là phụ nữ, họ tải lương thực, đạn dược, làm đường đảm bảo giao thông thông suốt dưới mưa bom, bão đạn của quân thù. Mặc dù máy bay địch theo dõi, thả bom dữ dội nhưng chị em vẫn vui vẻ hát ca, động viên nhau làm tròn nhiệm vụ và cũng đã có biết bao gương hy sinh anh dũng của phụ nữ ta. Trong thư gửi Hội Mẹ chiến sĩ Liên khu IV, Người viết: *“Các chiến sĩ thì sẵn sàng hy sinh gia đình, hy sinh tính mệnh để giết giặc cứu nước, bảo vệ đồng bào. Các cụ, các bà, thì thương yêu chăm sóc chiến sĩ như con cháu ruột thịt. Thế là các cụ, các bà đã trực tiếp tham gia kháng chiến...”*. Ngày 25/1/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài: *“Phụ nữ kiêu mẫu”*, trong đó Người kể về những tấm gương phụ nữ đã hết lòng săn sóc thương yêu cán bộ, bộ đội, thương binh, và Người đã kết luận bài viết: *“...Phải chăng vì danh, vì lợi, vì địa vị mà họ làm như vậy? Không phải. Đó là vì lòng nồng nàn yêu nước, đó là vì lòng chí công vô tư mà chúng ta đều phải học theo”*⁽²⁾.

Thời kỳ xây dựng kiến thiết miền Bắc xã hội chủ nghĩa, dưới chế độ Việt Nam Dân

chủ Cộng hòa, phụ nữ ta đã được bình quyền về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chị em phụ nữ nông thôn có đến 60% tham gia hợp tác xã, thi đua góp sức hoàn thành tốt cải cách ruộng đất, hăng hái tham gia phong trào Tổ Đối công, Tổ Hợp tác, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Chị em phụ nữ công chức, công nhân thi đua làm tốt nhiệm vụ của mình, tích cực tham gia quản lý tốt nhà máy, công trường. Đặc biệt, tiến bộ rõ nhất là phụ nữ tham gia chính quyền ngày càng nhiều, đã có nhiều phụ nữ giữ vị trí thẩm phán, chánh án, giám đốc... Số nữ thanh niên trước kia đi học ít, nay nữ đi học ở các trường đại học, kể cả ở nước ngoài ngày càng nhiều. Đồng thời, chị em phụ nữ còn thực hiện trách nhiệm đoàn kết với chị em phụ nữ các nước bạn như Liên Xô, Trung Quốc, Cuba... và phụ nữ dân chủ các nước khác để gìn giữ hòa bình thế giới, xây dựng hạnh phúc cho loài người. Mọi chị em, mọi giới đều thi đua góp sức hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao, đều hăng hái tham gia công cuộc xây dựng miền Bắc, giúp sức cho miền Nam đấu tranh để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Từ sau ngày hòa bình lập lại, nước ta bị chia cắt làm 2 miền. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chị em phụ nữ phấn khởi thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Chị em phụ nữ miền Nam đoàn kết chặt chẽ, bền bỉ đấu tranh chống chế độ tàn bạo của Mỹ - Diệm, đòi cải thiện đời sống, đòi tự do dân chủ, đòi hòa bình thống nhất nước nhà và luôn hướng về miền Bắc, về Bác Hồ kính yêu. Đồng thời tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước: *“Phong trào phụ nữ cứu quốc”*, *“Phụ nữ chống Mỹ cứu nước, giết giặc lập công”*, *“Phụ nữ ba đảm đang”*, *“Phụ nữ ba sẵn sàng”* với hình thức trực

tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu góp phần to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Năm 1963, khi quân Mỹ ồ ạt đổ bộ vào miền Nam, cuộc đọ sức đầu tiên gay go quyết liệt, nhưng cũng sinh ra bao nhiêu kỳ tích anh hùng của nhiều phụ nữ miền Nam, trên các mặt trận đấu tranh chính trị, binh vận, địch vận rất kiên cường như: Út Tịch, Trần Thị Lý, Trần Thị Kim Cúc, Trần Thị Mười, Nguyễn Thị Châu, Phan Thị Quyên... Ở miền Bắc, dưới sự lãnh đạo và cổ vũ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chị em phụ nữ hăng hái tham gia nhiều phong trào thi đua: *“Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”*, *“Tay búa, tay súng”*, *“Tay cày, tay súng”*, *“Tay bút, tay súng”*, *“Phụ nữ ba đảm đang”*, *“Phụ nữ ba sẵn sàng”*. Qua các phong trào, chị em đã hưởng ứng lời kêu gọi vang dậy núi sông của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*, chị em đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, thi đua giành nhiều thắng lợi to lớn trên hai mặt trận sản xuất và chiến đấu, phục vụ chiến đấu nhằm đánh thắng chiến tranh phá hoại của Mỹ. Chị em đã lập được nhiều chiến công vang dội trong việc bắn rơi nhiều máy bay, tàu chiến Mỹ, bảo vệ thông suốt các tuyến đường giao thông huyết mạch, chi viện sức người, sức của, tài lực, vật lực cho chiến trường miền Nam. Tiêu biểu là cuộc chiến đấu ngoan cường và hy sinh anh dũng của 10 cô gái thanh niên xung phong ở Ngã ba Đồng Lộc do Võ Thị Tần làm Tiểu Địch trưởng, 11 cô gái nữ dân quân Huế chiến đấu ngoan cường, anh dũng trong đợt tiến công giải phóng thành phố Huế năm 1968. Bác Hồ đã khen tặng các chị trong bốn câu thơ (tháng 2/1968):

*“Đồng dục tay cầm khẩu súng trường,
Khôn ngoan dàn trận khắp trong phường.
Bác khen các cháu dân quân gái,
Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương”*⁽³⁾



Đồng thời, còn có nhiều gương phụ nữ anh hùng trong lao động sản xuất ở các hợp tác xã nông trường, nhà máy, xí nghiệp... của các tỉnh Thanh Hóa, Vĩnh Linh, Quảng Bình, Quảng Trị, Nghệ An, Hà Tĩnh...

Những thành tích trên đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên, khen tặng nhiều Huy hiệu Bác Hồ và Huân chương cho phụ nữ miền Bắc đạt danh hiệu “Dũng cảm đảm đang, chống Mỹ cứu nước” và thành tích xuất sắc trong phong trào “Ba sẵn sàng” của phụ nữ các nông trường. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thưởng Huy hiệu của Người cho nữ công nhân các nhà máy có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua sản xuất thêm “10 triệu mét vải vì miền Nam” ở nhà máy Dệt: Nam Định, Nam Lý, Nam Hà, Hà Nội, Dệt 8/3, Kim Đông Xuân...

Biểu dương thành tích của chị em, tại Đại hội Liên hoan phụ nữ 5 tốt, ngày 30/4/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phụ nữ đã đóng góp phần khá lớn làm cho cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi vẻ vang... Trong hàng ngũ vẻ vang những anh hùng quân đội, anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến đều có phụ nữ. Phụ nữ ta tham gia ngày càng đông, càng đặc lực trong các ngành kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội: Thế là dưới chế độ tốt đẹp của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phụ nữ ta thật sự làm chủ nước nhà... Từ xưa đến nay, từ Nam đến Bắc, từ trẻ đến già phụ nữ Việt Nam ta rất anh hùng”.⁽⁴⁾

Ngay trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 10/01/1967, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 152-NQ/TW về một số vấn đề tổ chức lãnh đạo công tác phụ vận. Thực tế đã thấy rõ vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam trên nhiều mặt hoạt động đã được nâng cao. Các cấp ủy và cơ quan Nhà nước đã tạo

được một đội ngũ cán bộ nữ có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, đề bạt được một số khá đông phụ nữ vào cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành và đã giải quyết một số vấn đề về quyền lợi cho phụ nữ, nhi đồng.

Sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, việc phát huy hơn nữa vị trí, vai trò của các tầng lớp phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân là yêu cầu, đòi hỏi lớn. Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 7/6/1984 về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng liên quan đến các mặt công tác của phụ nữ: Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12/7/1993 về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16/5/1994 của Ban Bí thư Trung ương về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới; Nghị quyết 03-NQ/TW ngày 18/6/1997 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Chiến lược Cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”...

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ”.

Có thể nói, trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phụ nữ Việt Nam đã có những công hiến, đóng góp to lớn, góp phần xây dựng và bảo vệ non sông, gấm vóc của Tổ quốc, tạo dựng nên truyền thống vẻ vang: Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.

Tiếp bước các thế hệ, phụ nữ Việt Nam ngày nay đang có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tỷ lệ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị ngày càng tăng. Bên cạnh đó, phụ nữ còn làm tốt vai trò người vợ, người mẹ, người thầy đầu tiên, là điểm tựa tinh thần vững chắc trong mỗi gia đình.

Cùng với thời gian, từ sự quan tâm, chăm lo của Bác Hồ với những lời căn dặn của Người trong Di chúc, phụ nữ Việt Nam đã không phụ lòng tin tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không ngừng cố gắng vươn lên, kế thừa, phát huy truyền thống vẻ vang, ra sức học tập, rèn luyện theo 4 phẩm chất “tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang”, khẳng định vai trò, vị trí của mình trong gia đình và xã hội./.

Chú thích:

- (1) Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1999), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.32;
- (2) Hồ Chí Minh Toàn tập, xuất bản lần thứ 3, (2000), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, T7, tr.134;
- (3), (4) Hồ Chí Minh Toàn tập, xuất bản lần thứ 3, (2000), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, T15, tr.434; tr.310 - 313.

Tài liệu tham khảo:

- 1. Bảo tàng Hồ Chí Minh (2010): Hồ Chí Minh và bản Di chúc trường tồn lịch sử, Nxb Thanh niên.
- 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TP. HCM; Học viện Chính trị Khu vực II; Trường Đại học KHXH và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM; Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (2015): Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Ánh sáng của trí tuệ và niềm tin, Nxb Tổng hợp TP. HCM.



Quan điểm, giải pháp

nhằm bảo đảm việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

 PGS.TS Vũ Thư

Viện Nhà nước và pháp luật

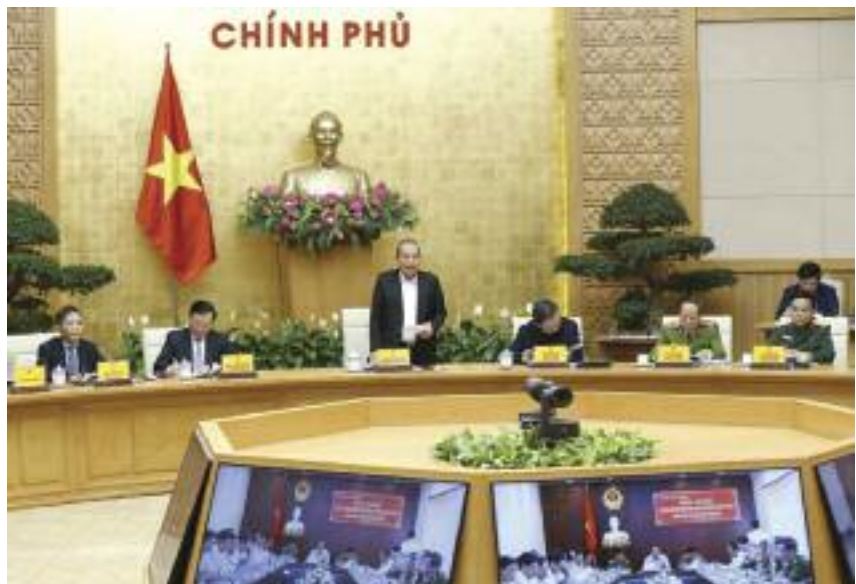
 Ths. Đinh Thị Hậu

Viện Nghiên cứu lập pháp

1. Khái quát về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

Báo cáo chính trị của Đảng tại Đại hội lần thứ VI năm 1986 đã nhận xét chung về bộ máy Nhà nước, trong đó rất quan trọng là hệ thống hành chính Nhà nước như sau: *“Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Tổ chức bộ máy Nhà nước chồng chéo, trùng lặp chức năng với nhiều tầng nấc trung gian và những thủ tục hành chính phiền hà, không ít trường hợp trên và dưới, Trung ương và địa phương hành động không thống nhất, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế - xã hội và làm giảm động lực phát triển. Một số người và cơ quan do lợi ích cá nhân, cục bộ không muốn đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy Nhà nước. Không ít cán bộ, công chức vừa kém về đạo đức, phẩm chất vừa yếu về năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ”*.

Mặc dù Báo cáo chính trị không nêu vấn đề về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, nhưng trong thực tiễn, Đảng và Nhà nước đã ý thức tầm quan trọng của người đứng đầu đối với hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, khu vực Nhà nước. Chính vì vậy, ngày 27/10/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 157/2007/NĐ-CP



Ảnh: ST. VGS

quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

Hơn ba năm sau, tại Đại hội Đảng lần thứ XI, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011), Đảng đã xác định rõ về vai trò đặc biệt của người đứng đầu rằng: *“Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức Đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu”*.

Theo tinh thần đó, tại Đại hội Đảng lần thứ XII năm 2016, Báo cáo chính trị của Đảng đã đặt ra nhiệm vụ cụ thể hơn về chế độ đối với người đứng đầu cơ quan hành chính: *“Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính”*.

Như vậy, vị trí, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tổ chức, đơn vị của Nhà nước đã được Đảng và Nhà nước khẳng định, trong đó, đã gọi rõ tên cơ quan hành chính Nhà nước. Điều 2 của Nghị



định số 157/2007/NĐ-CP kể trên đã xác định người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước là:

- Ở Trung ương, đó là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tổ chức hành chính trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Ở địa phương, đó là Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo Khoản 2 và 3 Nghị định số 157/2007/NĐ-CP, cấp phó của người đứng đầu cơ quan hành chính cũng phải chịu trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan trong lĩnh vực được phân công lãnh đạo, quản lý, điều hành bằng văn bản ủy quyền hoặc bằng quyết định phân công phụ trách lĩnh vực của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cơ quan chủ quản cấp trên. Và, người đứng đầu và cả cấp phó của người đứng đầu các tổ chức cấu thành cơ quan cũng phải thực hiện chế độ trách nhiệm trong quá trình đề xuất, tham mưu, trình, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan⁽¹⁾.

Các cơ quan hành chính Nhà nước trên là các cơ quan thực hiện chức năng hành pháp cũng như quản lý hành chính Nhà nước. Nó khác với một số cơ quan khác thuộc hệ thống khác của bộ máy Nhà nước cũng tiến hành các hoạt động có tính chất hành chính, nhưng chỉ trong phạm vi nội bộ.

Theo cách hiểu của Nghị định trên, người đứng đầu chỉ áp dụng đối với các cơ quan hành chính tiến hành các hoạt động chấp hành - hành chính từ cấp bộ trở xuống. Việc xác định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính đối với bất cứ quốc gia nào thì cũng luôn là điều đặc biệt quan trọng. Nhận xét này dựa trên thực tế rằng, trong mỗi Nhà nước, các quyền lập pháp, tư pháp đều quan trọng, nhưng thực thi quyền hành pháp bao giờ cũng là vấn đề quan trọng nhất và có tính

quyết định đối với toàn bộ việc thực thi quyền lực Nhà nước. Những dấu hiệu bên ngoài dễ thấy nhất là sự quan tâm đặc biệt của xã hội đối với việc bầu cử, bổ nhiệm người vào vị trí đứng đầu Chính phủ, Bộ và các cơ quan hành chính Nhà nước so với các cơ quan Nhà nước khác.

Trong quá trình cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta ngày càng nhận thức sâu sắc về vấn đề trách nhiệm của người đứng đầu nói chung. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết, chỉ ra rằng: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”⁽²⁾. Trong thực tế, năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ đối với công việc), bản lĩnh chính trị, tầm nhìn của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước là yếu tố chủ quan có tác động quyết định đến kết quả hoạt động của cơ quan hành chính.

Mặc dù việc đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước đã được coi trọng, nhưng kể từ khi Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 được ban hành đến nay, việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu vẫn chưa tạo dấu ấn đáng kể nào, còn có những bất cập không nhỏ. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng năng lực điều hành của nhiều người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước chưa thể hiện rõ, chế tài xử lý vi phạm trách nhiệm đối với người đứng đầu chưa bảo đảm tính nghiêm minh, kịp thời, còn tình trạng nể nang, né tránh⁽³⁾. Việc hoàn thiện quy định về xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, kể cả khi đã nghỉ hưu là cần thiết và vô cùng quan trọng. Quy định về kỷ luật cán bộ, công chức có khá nhiều mức dẫn đến việc chưa nghiêm minh và chưa đủ sức răn đe, phải có cơ chế từ chức; cần phân cấp mạnh thẩm quyền cho người đứng đầu trong nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra⁽⁴⁾... Có ý kiến còn cho rằng quy định tại Nghị định số 157/2007/NĐ-CP về chế độ trách nhiệm

đối với người đứng đầu kể trên nghe thì rất hay, nhưng không khả thi⁽⁵⁾...

Tóm lại, chúng ta đã nhận thức được rằng: Trách nhiệm của người đứng đầu, trong đó có người đứng đầu cơ quan hành chính là rất quan trọng. Nhưng, điều chỉnh pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu chưa đáp ứng yêu cầu. Cần phải có những sửa đổi, bổ sung pháp luật và bảo đảm tốt việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong thực tế.

2. Các quan điểm về bảo đảm thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

Để bảo đảm việc thực thi thực sự trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước, các quan điểm chủ yếu được xác định như sau:

Một là, quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước về việc xác định trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ quan, tổ chức trong thực hiện hành nhiệm vụ, công vụ, trong đó có người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước.

Trong mỗi cơ quan hành chính Nhà nước, cần phải có người chỉ huy, điều hành để phối hợp các hoạt động của các công chức trong cơ quan nhằm thực hiện mục đích, nhiệm vụ chung. Nói cách khác, có sự phụ thuộc hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính vào năng lực của người đứng đầu. Vai trò của người đứng đầu có xu hướng càng tăng trong bối cảnh Nhà nước hợp lý hoá sự phân công lao động công vụ trong bộ máy hành chính, đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền.

Vấn đề đặt ra hiện nay là cần đặc biệt coi trọng việc bảo đảm thực thi được trên thực tế trách nhiệm của người đứng đầu. Tiêu chí hàng đầu của việc bảo đảm thực thi trách nhiệm người này là *hiệu lực, hiệu quả* hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, đồng thời đó cũng là mục đích, yêu cầu của cải cách hành chính trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước



pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Hai là, sử dụng các giải pháp bảo đảm thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính có tính *toàn diện, đồng bộ*. Quan điểm này đòi hỏi các giải pháp phải được đề xuất, sử dụng phải tương xứng, bao quát được đòi hỏi của thực tiễn và giữa các giải pháp có sự phối hợp tốt tác động đến việc bảo đảm thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Các giải pháp bảo đảm thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính được sử dụng sẽ phải là các giải pháp tương ứng, đầy đủ với yêu cầu của thực tiễn. Điều đó có nghĩa là chúng có khả năng trám được, khắc phục được các khiếm khuyết, đồng thời duy trì, phát huy được ưu điểm trong việc bảo đảm trách nhiệm của người đứng đầu. Tuy nhiên, bảo đảm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước bao gồm tổng thể, sự đan xen của nhiều yếu tố khác nhau về ý thức, tư tưởng, tổ chức, môi trường công tác, chế độ, chính sách... Vì vậy, các giải pháp bảo đảm được đề xuất không chỉ có tính toàn diện mà còn có sự phối hợp tốt trong một chỉnh thể.

Ba là, các giải pháp bảo đảm thi hành trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính dù được đề xuất xuất phát từ thực tế trong nước hay là từ kinh nghiệm nước ngoài đều phải phù hợp với các đặc điểm, điều kiện thực tế ở Việt Nam. Ở đây, những điểm quan trọng trong đề xuất giải pháp bảo đảm thi hành trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nói chung, cơ quan hành chính Nhà nước nói riêng là nền chính trị nhất nguyên, trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện sự lãnh đạo đối với công tác cán bộ, nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, là thực tế ở Việt Nam việc xác định và xử lý trách nhiệm hay từ chức do không hoàn

thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan hành chính rất hiếm, chưa thành thông lệ...

3. Các giải pháp bảo đảm thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

Vào ngày 03/5/2019, tại Hà Nội, Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội thảo *"Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước"*. Cuộc Hội thảo này đã đề cập các mặt lý luận và thực tiễn về vấn đề trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước. Trong đó, có nhiều gợi ý cho việc suy nghĩ, tìm kiếm các giải pháp bảo đảm thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước. Dưới đây tác giả xin đề xuất một số giải pháp bảo đảm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước như sau:

Một là, nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước. Trong thời kỳ bao cấp, vai trò của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước đã được tính đến. Tuy nhiên, với các điều kiện khi đó, nhiệm vụ, nghĩa vụ chủ yếu đối với cơ quan hành chính cũng như người đứng đầu cơ quan là chấp hành, thừa hành tốt các mệnh lệnh của cấp trên. Vấn đề đã khác đi, khi trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường đã làm xuất hiện các yếu tố mới trong đời sống xã hội. Các quan hệ xã hội trở nên đa dạng, phức tạp chưa từng thấy, đòi hỏi năng lực mới ở người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước. Trong cái cách hành chính, chúng ta đã nhận thức ra rằng đánh giá hoạt động mỗi cán bộ, công chức, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan không chỉ về việc chấp hành đúng pháp luật, đúng quy trình, thủ tục hay chưa, mà điều quan trọng còn là năng lực sáng tạo và hiệu quả giải quyết công việc. Bên cạnh đó, phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá với sự cạnh tranh không chỉ giữa các doanh nghiệp mà cả giữa các Nhà nước đòi hỏi

ngày càng cao về phẩm chất, năng lực, kể cả uy tín của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Hai là, hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước.

Nhiều ý kiến cho rằng pháp luật về trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan hành chính chưa hoàn chỉnh. Có nhiều ý kiến đánh giá pháp luật chưa xác định được cơ sở, căn cứ để nói về trách nhiệm của người đứng đầu⁽⁶⁾, hoặc luật cần cụ thể hoá hơn về các tiêu chuẩn, phẩm chất, bản lĩnh chính trị của người đứng đầu⁽⁷⁾, phân cấp mạnh thẩm quyền cho người đứng đầu để làm rõ trách nhiệm của họ trong quan hệ với tập thể⁽⁸⁾, về chế tài, cần bổ sung cụ thể chế tài xử lý người đứng đầu⁽⁹⁾, hoặc quy định nhiều mức kỷ luật dẫn đến việc xử lý chưa nghiêm, không đủ sức răn đe⁽¹⁰⁾... Cũng có ý kiến cho rằng quy định pháp lý về trách nhiệm người đứng đầu còn chưa hoàn thiện nhưng nếu các cấp, các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm thì hiệu quả mang lại rõ rệt⁽¹¹⁾.

Hiện nay, có nhiều văn bản pháp luật quy định trách nhiệm của người đứng đầu. Các văn bản pháp luật phải kể đến là: Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi năm 2019) tại Điều 10 xác định người đứng đầu ngoài nghĩa vụ chung như mọi cán bộ, công chức, có các nghĩa vụ riêng và tại các Điều 78, 79 xác định các chế tài áp dụng đối với cán bộ, công chức nói chung, trong đó có chế tài đối với người đứng đầu cơ quan hành chính. Nghị định số 157/2007/NĐ-CP quy định về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ. Điều 10 của Luật Cán bộ, công chức có các quy định có tính bao quát đối với cán bộ, công chức đứng đầu như: Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức... Các văn bản pháp



luật khác liên quan đến tiêu chuẩn, cách thức bầu, bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính còn được quy định trong các văn bản khác như Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ về ngạch công chức hành chính, tuyển dụng, nâng ngạch công chức...

Ngoài các văn bản có tính quy phạm trên, quy định chung về nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu trong các văn bản pháp luật trên, các quy định này còn được cụ thể hoá trong việc xác định vị trí việc làm, quy chế hoạt động do các cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Với số lượng khá nhiều các văn bản pháp luật kể trên và xem xét nội dung điều chỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước, có thể nói quy định về người đứng đầu cơ quan hành chính đã điều chỉnh có tính bao quát và cụ thể các tiêu chuẩn đối với người đứng đầu. Với các quy định pháp luật hiện nay, nếu được thực hiện tốt cũng đã đưa lại hiệu quả rõ rệt.

(Còn nữa)

Chú thích:

- (1) Từ đây, người đứng đầu được hiểu bao gồm cả trách nhiệm của cấp phó người đứng đầu;
- (2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 240;
- (3) Theo Lã Anh, Hội thảo khoa học “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước (điện tử), ngày 03/5/2019;
- (4) Theo Khánh Chi, Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu – tránh việc “công của tôi, lỗi của tập thể”, Báo Pháp luật Việt Nam (điện tử), ngày 03/5/2019;
- (5) Theo Phong Thu, Quy định trách nhiệm người đứng đầu: Sửa đổi rõ và cụ thể hơn, Hanoimoi.com.vn, ngày 8/6/2019;
- (6) Ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Vân tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (theo Lã Anh, Hội thảo khoa học “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước (điện tử), ngày 03/5/2019);
- (7) Ý kiến của ông Trần Nghị tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (theo Phong Thu, Quy định trách nhiệm người đứng đầu: Sửa đổi rõ và cụ thể hơn, Hanoimoi.com.vn, ngày 8/6/2019);
- (8) Ý kiến của ông Nguyễn Viết Trọng tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (theo Khánh Chi, Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu - tránh việc “công của tôi, lỗi của tập thể”, Báo Pháp luật Việt Nam (điện tử), ngày 03/5/2019);
- (9) Theo Lã Anh, Hội thảo khoa học “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước (điện tử), ngày 03/5/2019;
- (10) Ý kiến của ông Trần Nghị tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (Phong Thu, Quy định trách nhiệm người đứng đầu: Sửa đổi rõ và cụ thể hơn, Hanoimoi.com.vn, ngày 8/6/2019);
- (11) Theo Phong Thu, Quy định trách nhiệm người đứng đầu: Sửa đổi rõ và cụ thể hơn, Hanoimoi.com.vn, ngày 8/6/2019.

Ca dao Tháng Ba

Em vẽ Tháng Ba trắng ngần hoa bưởi
Chợt nhớ tóc mẹ búi hời làn hương xưa
Đường về quanh co cánh chuồn kim ngõ gác
Mái nhà trầm tư chơi vơi ngọn khói gầy

Nhật tiếng gà dẫn lối về cổ tích
Hoa gạo lưng trời đỏ rực cánh thời gian
Ngõ vắng nao lòng bìm bịp kêu thất thểu
Lẻ loi bóng mẹ gánh mệnh mông chiều vàng

Tháng Ba chạm thêm băng quơ câu hát cũ
Hoa cau khẽ rụng trắng cả miền chiêm bao
Mộng mơ gửi lại phía vầng trăng mười tám
Em trôi theo man mác những cánh bèo...

Bầy thiên di ngang trời in vệt nhò
Tháng Ba hiền tựa một khúc ca dao
Em về nhen nhóm những bình yên chân thật
Bến đỗ lòng mẹ à oi ru tháng ngày...

Trần Thanh Thoa



Ảnh: ST



Tác động của tham nhũng trong đầu tư công nhìn từ lý thuyết kinh tế học thể chế

Ths. Lê Quang Kiệm

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai

Thực tiễn trong thời gian qua cho thấy sự gia tăng của tham nhũng làm tăng quy mô và giảm hiệu quả của đầu tư công trong phạm vi cả nước. Theo đó, chất lượng cơ sở hạ tầng của các tỉnh, thành bị giảm sút, có nơi giảm sút nghiêm trọng. Điều này cho thấy dưới tác động của tham nhũng, quy mô đầu tư gia tăng không đi cùng với hiệu quả đầu tư, làm lãng phí nguồn vốn Nhà nước. Do vậy, việc tiếp cận lý thuyết kinh tế học công cộng về hành vi tìm kiếm đặc lợi của cán bộ công quyền và lý thuyết kinh tế học thể chế, trong đó có lý thuyết về chi phí giao dịch (trong đầu tư) để làm rõ cơ chế tác động của tham nhũng đến đầu tư công là cần thiết.

1. Tham nhũng với đầu tư công trong lý thuyết kinh tế học thể chế

Theo lý thuyết kinh tế học công cộng thì người có chức vụ quyền hạn⁽¹⁾ thường bị chi phối bởi lợi ích cá nhân mà một trong những biểu hiện của nó là tham nhũng, hối lộ. Thực tế cho thấy, chỉ cần một mức hối lộ nhỏ trong một dự án công có chi phí lên tới hàng triệu, thậm chí hàng trăm triệu đôla cũng sẽ trở thành một khoản tiền đủ để cám dỗ tham nhũng. Khi người có chức vụ quyền hạn bị chi phối bởi hành vi vụ lợi, họ sẽ có động cơ để tham gia kiểm soát và gây ảnh hưởng tới các quyết định liên quan tới quy mô tổng mức chi đầu tư, lựa chọn các dự án đầu tư, thiết kế dự án và quá trình triển khai dự án. Hệ quả là việc kiểm soát chi tiêu đầu tư gặp khó khăn, dự án



Ảnh: ST

được đầu tư khi chưa thực sự cần thiết; dự án được đầu tư với quy mô và công suất không phù hợp với nhu cầu; dự án được đầu tư với yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật không phù hợp so với nhu cầu; dự án được đầu tư ở thời điểm và địa điểm không hợp lý, thiết bị công trình của dự án có chất lượng thấp làm giảm tuổi thọ của dự án... Như vậy, tham nhũng có thể bóp méo toàn bộ quá trình ra quyết định liên quan đến ngân sách đầu tư.

Bên cạnh đó, những biểu hiện của tham nhũng thường là độc quyền, che giấu, bưng bít thông tin, thiếu trách nhiệm giải trình. Tức là, tham nhũng đi kèm với cơ chế thông tin thiếu minh bạch, bưng bít. Điều này khiến cho Chính phủ không thể nắm

bắt được những nhu cầu thực của xã hội về một loại hàng hóa và dịch vụ nào đó mà vẫn tiếp tục mở rộng đầu tư trong khi khoản đầu tư này có thể được thực hiện và quản lý hiệu quả hơn bởi khu vực tư nhân. Như vậy, có thể thấy, ngay từ khâu quyết định chi ngân sách cho các dự án đầu tư công, dưới ảnh hưởng của tham nhũng, quy mô đầu tư công có xu hướng bị mở rộng.

Bổ sung cho lập luận dựa trên lý thuyết kinh tế học công cộng về hành vi vụ lợi, tác giả bài viết nghiên cứu tác động của tham nhũng đối với đầu tư công dựa trên lý thuyết kinh tế học thể chế để hiểu rõ cơ chế tác động của nó.

Theo nhà kinh tế học thể chế đoạt Giải Nobel Douglass C. North khẳng định vào



năm 1990 thì: Sự phát triển giàu có của một quốc gia không phải chủ yếu do nó giàu có tài nguyên như dầu mỏ, cũng không phải do sự cần cù của số đông người lao động mà chủ yếu là do các yếu tố kích thích gắn kết bên trong về các thể chế quản lý và tổ chức cho phép thúc đẩy đầu tư và phát triển. Một sự phát triển lâu bền không thể dựa vào một thể chế bị lũng đoạn bởi tham nhũng. Và một nền kinh tế lạc hậu không phải không thể bao giờ đuổi kịp được các nước tiên tiến. Vấn đề là phải tạo lập một hệ thống thể chế tích cực nhằm đảm bảo quyền sở hữu của các cá nhân và thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. Việc cải cách thể chế là cần thiết để đảm bảo sự phát triển. Thể chế tốt tạo ra một môi trường kinh tế có khả năng khuyến khích sự sáng tạo, thúc đẩy sản xuất và đem lại tăng trưởng bền vững.

Xét cho cùng, thể chế yếu kém sinh ra tham nhũng và khi tham nhũng phát triển mạnh sẽ tác động trở lại ngăn cản những động lực cải cách thể chế. Hệ quả là tham nhũng sẽ triệt tiêu những tác động tích cực mà thể chế đem lại đối với thị trường như: hỗ trợ thông tin, tăng cường tính cạnh tranh, giảm chi phí giao dịch, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, bảo vệ quyền về tài sản... Tất cả những yếu tố thể chế này đều liên quan mật thiết và ảnh hưởng tới đầu tư công.

Lý thuyết thể chế cũng chỉ ra rằng bất kỳ giao dịch kinh tế nào (kể cả giao dịch trong đầu tư công) thực chất là giao dịch về dịch chuyển các quyền về tài sản. Do đó, nếu các quyền về tài sản không được xác định rõ ràng và không được bảo vệ thì chi phí phát sinh sẽ lớn. Nói như vậy tức là tham nhũng đã gián tiếp làm tăng phí tổn cho các hoạt động kinh tế. Chẳng hạn, trong các dự án đầu tư công, khi tham nhũng ở mức độ cao, các loại “chi phí bôi trơn” cũng tăng theo. Các khoản “phí giao dịch” này được “bôi trơn” từ các khâu phê duyệt dự án, chọn nhà thầu cho đến khâu triển khai thi công. Điều hiển nhiên là các khoản “bôi trơn” luôn được hợp thức hóa

dưới các khoản mục chi tiêu đầu tư hợp lý, cũng có nghĩa là chi phí cho đầu tư có hàm chứa khoản “chi phí giao dịch”. “Chi phí giao dịch” càng lớn sẽ càng làm gia tăng quy mô chi tiêu đầu tư.

2. Cơ chế tham nhũng tác động tiêu cực đến các dự án đầu tư công

Từ lý thuyết và thực tiễn cho thấy tham nhũng tác động tiêu cực đến các dự án đầu tư công thông qua một số khía cạnh sau:

Trước hết, tham nhũng tác động vào quá trình phê duyệt chi tiêu đầu tư, hay còn gọi là “bê cong” nguồn vốn từ dự án hiệu quả sang dự án thiếu hiệu quả hoặc dự án có mức độ cần thiết chưa cao. Đầu tư, xây dựng cơ bản là lĩnh vực xảy ra tham nhũng hết sức phổ biến. Đây là lĩnh vực thường có số vốn đầu tư rất lớn từ ngân sách Nhà nước, trong khi đó cơ chế quản lý lại tương đối lỏng lẻo, chính vì vậy tham nhũng xảy ra nhiều, đồng thời số tiền bị thất thoát thường rất lớn. Trong lĩnh vực này, tham nhũng xảy ra ở mọi công đoạn, từ khâu quy hoạch, lập, duyệt dự án, thiết kế, thi công, thanh tra, kiểm tra, đến nghiệm thu thanh toán, quyết toán...⁽²⁾

Thứ hai, ngay từ khâu phê duyệt ngân sách hoặc khâu triển khai dự án, dưới ảnh hưởng của tham nhũng, chi phí của các dự án công bị “đội lên” trên mức cần thiết.

Cuối cùng, tham nhũng gây ảnh hưởng ở khâu thực hiện dự án. Sự thiếu minh bạch và cơ chế giám sát lỏng lẻo được tạo nên từ hành vi tham nhũng dẫn đến chất lượng đầu tư suy giảm. Đặc biệt, trong đầu tư xây dựng cơ bản, có thể thấy nhiều biểu hiện xuống cấp nhanh chóng của cơ sở hạ tầng. Xét cho cùng, sự gia tăng chi phí đầu tư không đi kèm với chất lượng dẫn đến hiệu suất đầu tư công thấp.

3. Đánh giá hiệu quả đầu tư công hiện nay và khuyến nghị thể chế

Hiện nay, đầu tư công của Việt Nam được đánh giá là dàn trải, thiếu hiệu quả

và lãng phí. Một trong những nguyên nhân được các nhà nghiên cứu chỉ ra là do cơ chế thiếu minh bạch, tham nhũng, hối lộ. Do đó, cần phải tăng cường xây dựng cơ chế và thể chế giám sát trong quản lý ngân sách đầu tư công. Để hạn chế tình trạng tham nhũng, cần tăng cường hơn nữa trách nhiệm giải trình của người quản lý và người sử dụng vốn đầu tư. Ngoài ra, cần đẩy mạnh tính công khai hóa, minh bạch hóa trong mọi khâu của quá trình đầu tư công. Tất cả các dự án công có quy mô lớn cần phải được phân tích chi phí lợi ích và phải được công khai rõ ràng các khoản chi phí của dự án, kết quả mong đợi, đầu ra của dự án, các nguồn tài trợ cho dự án...

Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn đã chứng minh được mối quan hệ cùng chiều giữa tham nhũng và quy mô đầu tư công. Tham nhũng ở mức độ cao (chỉ số đo lường tham nhũng tăng) thường đi cùng với quy mô đầu tư công gia tăng và chất lượng đầu tư công suy giảm thể hiện thông qua sự giảm sút của chất lượng cơ sở hạ tầng. Điều này chính là bằng chứng xác thực, góp phần cảnh báo sự ảnh hưởng nghiêm trọng của tham nhũng trong lĩnh vực đầu tư công ở Việt Nam.

Thực chất, sự gia tăng của đầu tư công của Việt Nam không đơn thuần do sự theo đuổi mô hình tăng trưởng vốn mà cốt lõi vẫn đề có phần bắt nguồn từ chất lượng thể chế, cụ thể là do cơ chế thiếu minh bạch, tham nhũng cao. Chính vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, để tăng cường hiệu quả đầu tư công, ngoài thực hiện chính sách tái cơ cấu đầu tư, còn cần phải quan tâm hoàn thiện môi trường thể chế, đặc biệt là tăng cường tính minh bạch, hạn chế tham nhũng trong hoạt động đầu tư công./

Chú thích:

(1) Khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(2) [Http://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/201306/nhung-linh-vuc-thuong-xay-ra-tham-nhung-291483/](http://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/201306/nhung-linh-vuc-thuong-xay-ra-tham-nhung-291483/).



Xử lý kỷ luật cán bộ, công chức về hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực

Dương Văn Quý

Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk

Xử lý cán bộ công chức (CBCC) có hành vi vi phạm pháp luật về tham nhũng là vấn đề quan trọng, cần thiết, là khâu cuối cùng trong quá trình đấu tranh với hành vi tham nhũng. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả cao, một phần lớn nhờ vào việc xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về tham nhũng. Do đó, việc xử lý kỷ luật CBCC vi phạm pháp luật về tham nhũng phải được thực hiện chính xác, nghiêm minh, công bằng. Để làm được điều đó, hoạt động xử lý kỷ luật CBCC cần phải dựa trên những căn cứ pháp lý vững chắc.

1. Trách nhiệm kỷ luật của cán bộ, công chức

Theo Điều 4, Luật CBCC năm 2008, “cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.”⁽¹⁾

“Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản



Ảnh: ST

Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.”⁽²⁾

“Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội; công chức cấp xã là công dân Việt Nam

được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.”⁽³⁾

Như vậy, CBCC là đội ngũ đặc biệt trong xã hội, họ tách ra khỏi hoạt động sản xuất trực tiếp. CBCC được đảm nhận những công việc nhất định, mang tính đại diện cho xã hội, nhằm hướng tới phục vụ và bảo vệ lợi ích Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. CBCC được đảm bảo có công việc ổn định, hưởng lương từ ngân sách Nhà nước. Ngân sách Nhà nước - do nhân dân đóng góp là phần lớn, chủ yếu. Do đó, CBCC phải tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân trong quá trình thực thi công vụ. Hành vi công vụ của



CBCC phải rõ ràng, minh bạch, chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của cơ quan có thẩm quyền và nhân dân. Những hành vi vi phạm pháp luật của CBCC phải bị xử lý nghiêm minh. Khi CBCC vi phạm pháp luật, có thể phải chịu các loại trách nhiệm pháp lý như: Trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính và nghiêm khắc nhất là trách nhiệm hình sự. Đó là sự bắt buộc phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi do có hành vi vi phạm pháp luật của CBCC. Trong đó, trách nhiệm kỷ luật được xác định là trách nhiệm pháp lý do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền áp dụng đối với CBCC khi CBCC vi phạm các quy định về nghĩa vụ, đạo đức và văn hóa giao tiếp; vi phạm những quy định về những việc CBCC không được làm và vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên là có tội hoặc bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm pháp luật.

Cán bộ vi phạm quy định của pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm. Việc cách chức chỉ áp dụng đối với cán bộ được phê chuẩn giữ chức vụ theo nhiệm kỳ. Cán bộ phạm tội bị tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm; trường hợp bị tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.⁽⁴⁾

Công chức vi phạm quy định của pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây: Khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương; giáng chức; cách chức; buộc thôi việc. Hình thức giáng chức, cách chức chỉ áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; hình thức hạ bậc lương chỉ áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.⁽⁵⁾

Hoạt động xử lý kỷ luật CBCC phải bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý, kịp thời, nhanh

chóng, nghiêm minh, công bằng và trên cơ sở tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ các quyền, giá trị con người.

2. Trách nhiệm kỷ luật cán bộ, công chức vi phạm về hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực

CBCC là một trong những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập⁽⁶⁾. Khi kê khai tài sản, thu nhập, CBCC phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập⁽⁷⁾.

Khi vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, thì CBCC đã vi phạm pháp luật⁽⁸⁾.

Do đó, CBCC phải chịu trách nhiệm pháp lý. Trong đó, CBCC mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm⁽⁹⁾.

Cán bộ vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, thì chịu trách nhiệm kỷ luật một trong các hình thức: Cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm. Hình thức xử lý kỷ luật “khiển trách” không đặt ra đối với CBCC vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, CBCC bị xử lý kỷ luật bằng một trong những hình thức kỷ luật như trên.

3. Đánh giá và góp ý quy định có liên quan trong Dự thảo Nghị định quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

Thứ nhất, một trong những nguyên tắc của văn bản quy định chi tiết thi hành luật là chỉ được quy định những nội dung được giao, không được quy định vượt quá phạm vi nội dung được giao. Tuy nhiên, tại Khoản 1, Điều 26 Dự thảo Nghị định của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập (Dự thảo)⁽¹⁰⁾, xử lý vi phạm đối với người kê khai vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, thì tùy tính chất, mức độ mà bị *xử lý cảnh cáo, miễn nhiệm*. Như vậy, đối chiếu với các hình thức kỷ luật quy định trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (Luật năm 2018) đối với CBCC vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, thì quy định tại Dự thảo không đầy đủ, không chính xác các hình thức kỷ luật. Trong Luật năm 2018, quy định 06 hình thức kỷ luật, trong Dự thảo chỉ quy định 02 hình thức kỷ luật, trong đó, hình thức kỷ luật miễn nhiệm không được quy định trong Luật năm 2018, nhưng lại được quy định tại Dự thảo. Miễn nhiệm không phải là một hình thức kỷ luật CBCC. Do đó, Dự thảo đưa ra trách nhiệm kỷ luật miễn nhiệm là không chính xác. Tác giả cho rằng, đây có thể là lỗi về mặt kỹ thuật trong quá trình soạn thảo văn bản. Điều này, cần phải được khắc phục khi Dự thảo trở thành văn bản chính thức. Bên cạnh đó, Dự thảo phải khắc phục cho phù hợp, đầy đủ các hình thức kỷ luật như trong Luật năm 2018 đã quy định.

Thứ hai, Luật năm 2018 quy định loại trách nhiệm pháp lý kỷ luật và các hình thức kỷ luật đối với CBCC khi vi phạm về nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, đồng thời, giao trách nhiệm cho Chính phủ quy định chi tiết nội dung xử lý kỷ luật đó. Trong Dự thảo, sử dụng cụm từ “tùy tính chất, mức độ” giống như trong Luật năm 2018, mà không quy định chi tiết. Nếu quy định như Dự thảo, thì không đáp ứng được yêu



cầu của một văn bản quy định chi tiết. Luật của Quốc hội không thể tự mình quy định chi tiết tất cả các vấn đề thuộc quyền lập pháp. Do vậy, mới đặt ra vấn đề ủy quyền lập pháp của Quốc hội giao cho Chính phủ ban hành văn bản quy định chi tiết Luật năm 2018.

Tác giả cho rằng, Dự thảo cần quy định cụ thể hơn nữa tính chất, mức độ tương ứng với từng hình thức kỷ luật. Để việc truy cứu trách nhiệm pháp lý được chính xác, nghiêm minh, công bằng, tránh sự tùy tiện, lạm quyền... thì cần phải được tiến hành dựa trên những căn cứ vững chắc. Chúng ta có thể căn cứ vào mức chênh lệch tài sản, thu nhập kê khai không trung thực để tiến hành xác định hình thức trách nhiệm pháp lý tương ứng./.

Chú thích:

(1), (2), (3) Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2019;

(4) Điều 78 Luật Cán bộ, công chức năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2019;

(5) Điều 79 Luật Cán bộ, công chức năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2019;

(6) Khoản 1, Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(7) Khoản 2, Điều 33 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(8) Điểm g, Khoản 1, Điều 94 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(9) Điều 51 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(10) http://www.thanhtra.gov.vn/ct/news/Lists/LayYKienNhanDanVe-DuThaoQPPL/View_Detail.aspx?Itemid=81.

Công tác quản lý khoa học của Thanh tra Chính phủ trước yêu cầu đổi mới

Lan Anh



Ảnh: ST

Tự hào đồng hành với sự phát triển của ngành Thanh tra, những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học của Thanh tra Chính phủ (TTCP) đã kế thừa, tiếp bước nhiều thế hệ và gặt hái được những kết quả hết sức quan trọng. Qua đó, đã đóng góp thiết thực vào sự phát triển của toàn ngành Thanh tra trên các phương diện: Hoàn thiện thể chế, chính sách, quản lý Nhà nước, quản trị nội bộ, xây dựng lực lượng và công tác nghiệp vụ thanh tra; đồng thời, hỗ trợ ngày càng tốt hơn nhiệm vụ chính trị của ngành; cung cấp nguồn thông tin, tư liệu ngày càng phong phú, chuyên sâu cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ, công chức, thanh tra viên, nghiên cứu viên, học viên, sinh viên và nhiều tầng lớp nhân dân.

Sản phẩm nghiên cứu khoa học của TTCP là nguồn tài liệu quan trọng, đóng góp tích cực trên nhiều phương diện

Từ năm 1993 đến nay, TTCP đã triển khai nghiên cứu 07 đề tài khoa học cấp Nhà nước, 107 đề tài khoa học cấp bộ, 132 đề tài khoa học cấp cơ sở, hàng trăm chuyên đề khoa học; tổ chức nhiều nghiên cứu khảo sát thực tiễn trên các mặt công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (PCTN) và nhiều nội dung khác. Các sản phẩm nghiên cứu trên được thực hiện bởi nhiều cơ quan, đơn vị thuộc TTCP như Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra (CL&KHTT), Vụ Pháp chế, Cục PCTN, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Trường Cán bộ thanh tra, Trung tâm Thông tin, các cục, vụ, đơn vị và đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, nhà khoa học trong và ngoài TTCP.



Các sản phẩm khoa học đã có những đóng góp tích cực trên các phương diện như: Xây dựng cơ sở khoa học cho việc ban hành, bổ sung, hoàn thiện các văn bản chính sách, pháp luật quan trọng của ngành Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (Chiến lược Quốc gia về PCTN đến năm 2020; Chiến lược Phát triển ngành Thanh tra đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật PCTN, Luật Tố tụng hành chính, Luật Hình sự...). Đặc biệt, những năm gần đây, hoạt động hợp tác nghiên cứu đã được mở rộng thông qua việc liên kết, phối hợp nghiên cứu, đào tạo, tổ chức các tọa đàm, hội thảo khoa học, khảo sát các cơ sở đào tạo, cơ quan, tổ chức có liên quan (Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Hành chính Quốc gia, Tổ chức Hướng tới minh bạch, Viện Konrad - Adenauer, Đại sứ quán Ai-len tại Việt Nam, Tổ chức Bảo vệ động vật hoang dã...) và một số bộ, ngành, địa phương (Ninh Bình, Thái Nguyên, Yên Bái, Quảng Ninh, Lào Cai, Lai Châu...).

Có thể nói, các sản phẩm nghiên cứu khoa học của TTCP đã trở thành nguồn tài liệu quan trọng, có giá trị tham khảo cho đội ngũ cán bộ, công chức ngành Thanh tra, giảng viên, học viên của Trường Cán bộ Thanh tra, cán bộ các cơ quan Nhà nước, các nhà khoa học, đơn vị nghiên cứu. Nhiều kết quả nghiên cứu được đưa vào nội dung các tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Những kết quả nghiên cứu khoa học có chất lượng nhất được biên tập, phát hành trên toàn quốc, góp phần nâng cao kiến thức của cán bộ, công chức, người dân. Các nội dung nghiên cứu của đề tài đã được xuất bản thành sách hay chuyển hóa thành các bài viết chia sẻ trên trang tin điện tử của Viện CL&KHTT, Tạp chí Thanh tra in, Tạp chí Điện tử Thanh tra, Báo Thanh tra... tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nghiên cứu, tham khảo.

Cụ thể hơn, trong 5 năm qua, công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của TTCP đã có đóng góp quan trọng trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị hàng năm của TTCP. Việc xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học nhìn chung đã bám sát chương trình nghiên cứu khoa học của TTCP, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, thiết thực, những bất cập, vướng mắc trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN đang đặt ra và cần nghiên cứu nhằm phục vụ cho việc xây dựng và hoàn thiện nhiều mặt công tác của ngành Thanh tra. Bên cạnh đó, việc tổ chức phê duyệt danh mục đề tài hàng năm được thực hiện ngay từ đầu quý II của năm trước khi triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học nhằm tạo sự chủ động cho Ban Chủ nhiệm đề tài trong việc tiếp thu ý kiến của Hội đồng đánh giá, chỉnh sửa thuyết minh, đảm bảo xây dựng đề cương nghiên cứu có chất lượng, đúng trọng tâm, trọng điểm. Công tác xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học hàng năm được thực hiện khá nghiêm túc, các ý kiến góp ý của Hội đồng được tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học tiếp thu, hoàn thiện. Việc phân bổ kinh phí các nhiệm vụ khoa học cũng đã được thực hiện một cách kịp thời và đúng quy định pháp luật.

Thêm nữa, công tác đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các kế hoạch nghiên cứu cũng từng bước đổi mới và triển khai tương đối thường xuyên, góp phần giảm bớt sự chậm trễ về tiến độ. Công tác này cũng gắn kết trách nhiệm của các Ban Chủ nhiệm thực hiện các nhiệm vụ khoa học và cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý khoa học của TTCP. Nhiều kết quả nghiên cứu có giá trị đã được tham khảo trong quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế liên quan đến tổ chức, hoạt động của ngành Thanh tra. Bên cạnh đó, việc xác định tên đề tài, đối tượng, mục tiêu, phạm vi, những nội dung cần nghiên cứu chính của đề tài cũng như việc đề xuất định hướng nghiên cứu khoa

học, thẩm định các thuyết minh nghiên cứu đã góp phần định hướng cơ bản cho quá trình nghiên cứu của Ban Chủ nhiệm các đề tài, phục vụ cho công cuộc đổi mới ngành Thanh tra.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả quan trọng nêu trên, công tác quản lý khoa học vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể: Một số ít nhiệm vụ khoa học được thực hiện còn bị giới hạn ở những vấn đề/phạm vi mà các nhà khoa học có khả năng giải quyết hay được đề xuất từ nhu cầu và năng lực của chính cá nhân các nhà khoa học mà chưa thực sự sát với nhu cầu thực tế của ngành Thanh tra. Do đó, mức độ đóng góp, tính sáng tạo/tính mới của các ý tưởng được nghiên cứu còn hạn chế; công tác xây dựng kế hoạch và đề xuất thực hiện nhiệm vụ khoa học có phần chưa được tổ chức một cách hệ thống, bài bản, dẫn đến nhiều hạn chế. Mặt khác, một số tiêu chí xét duyệt các nhiệm vụ hay đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học còn chưa được xác định rõ ràng như vấn đề vai trò của Ban Chủ nhiệm đề tài trong việc chịu trách nhiệm về chất lượng khoa học và tiến độ thực hiện đề tài; việc lựa chọn các thành viên Hội đồng nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học chưa rõ tiêu chí về chuyên môn, năng lực nghiên cứu hay kinh nghiệm liên quan đến kết quả nghiên cứu... Hoạt động kiểm tra, giám sát và hướng dẫn triển khai nhiệm vụ khoa học chưa được quan tâm đúng mức và thực chất...

Không chỉ vậy, số người làm công tác nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn, đặc biệt là thực tiễn hoạt động của ngành Thanh tra; kinh phí ngân sách Nhà nước hàng năm do Bộ Tài chính cấp cho công tác nghiên cứu khoa học của TTCP còn hạn chế đã ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn nội dung nghiên cứu, không thực hiện được các nghiên cứu có tính toàn diện, dài hơi đối với một số vấn đề cấp thiết đang đặt ra với ngành Thanh tra. Mặt khác, việc hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ chưa được xác định là mục tiêu ưu tiên nên hoạt



động này trong những năm qua còn chưa được mở rộng. Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ chủ yếu được thực hiện thông qua các dự án tăng cường năng lực phát triển ngành Thanh tra, trong đó, lực lượng nghiên cứu chỉ được giao một phần nhỏ và còn bị động trong kế hoạch triển khai.

Xuất phát từ những tồn tại, hạn chế và yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý khoa học của TTCP, việc trao đổi nhằm đề xuất các giải pháp khắc phục những bất cập hoàn thiện, đổi mới công tác quản lý khoa học, đáp ứng yêu cầu thực tiễn là rất cần thiết.

Cần xác định vấn đề nghiên cứu sát với yêu cầu của ngành

Tại Tọa đàm khoa học “Đổi mới công tác quản lý khoa học của TTCP” do Viện CL&KHTT tổ chức, các đại biểu tham gia đã chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp về quản lý khoa học, tập trung vào việc lựa chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học, đặc biệt là xác định được những vấn đề nghiên cứu sát với yêu cầu của ngành, các yêu cầu phục vụ xây dựng thể chế, chính sách; việc tổ chức quản lý các đề tài khoa học các cấp, từ đề tài khoa học độc lập cấp quốc gia đến đề tài khoa học cấp bộ, cấp cơ sở, các nghiên cứu, khảo sát độc lập đến quản lý nội dung các ấn phẩm khoa học đã xuất bản; về hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học...

Ths. Nguyễn Văn Minh, đại biểu đến từ Bộ Khoa học và Công nghệ cho rằng, việc quản lý khoa học của TTCP cần tiếp cận theo hướng mới. Theo đó, hoạt động quản lý khoa học nên hướng vào các chương trình (chương trình về PCTN; chương trình phát triển kinh tế, xã hội; chương trình phát triển văn hóa, con người...). Cho ý kiến về việc xây dựng các tiêu chí, ông Minh cho rằng, đối với tiêu chí chuyên gia thì phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động quản lý của từng ngành; đối với tiêu chí chỉ định chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước, ít nhất trong

vòng 5 năm gần nhất chủ nhiệm đề tài phải tham gia đăng ký lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành...

Ông Nguyễn Huy Hoàng, đại diện Viện Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp chia sẻ, việc xác định chiến lược nghiên cứu khoa học đóng vai trò rất quan trọng, do vậy Viện CL&KHTT trong thời gian tới cần xây dựng luận cứ phát triển khoa học công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đang đặt ra hiện nay. Ngoài ra, cũng cần học hỏi kinh nghiệm nước ngoài trong hoạt động quản lý Nhà nước về khoa học công nghệ. Ông Hoàng gợi mở chủ đề về tiền thanh tra và hậu thanh tra là những vấn đề có tính cấp thiết đang đặt ra hiện nay đối với ngành Thanh tra mà Viện CL&KHTT cần xem xét nghiên cứu. “Việc đặt hàng nghiên cứu từ các bộ, ngành hay nắm bắt xu thế thay đổi qua các nghiên cứu dự báo của các nước cũng như thực tiễn của Việt Nam là một trong những cách thức để chúng ta huy động được nguồn lực về con người và kinh phí nghiên cứu khoa học”, ông Hoàng chia sẻ thêm.

Cũng tại tọa đàm, bà Nguyễn Thị Minh Nga, đại diện Viện Chiến lược và Chính sách, Bộ Khoa học và Công nghệ cho rằng, TTCP cần xác định nhiệm vụ nghiên cứu ít nhất trong 5 năm. Có thể thông qua việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm ngành Thanh tra sẽ phát hiện ra những vấn đề cần nghiên cứu hoặc kiến nghị việc đề xuất sửa đổi, bổ sung những văn bản chính sách hiện hành của ngành không còn phù hợp. Riêng về vấn đề trùng lặp trong nghiên cứu, TTCP cần tiến hành rà soát các kết quả nghiên cứu trước khi xây dựng thuyết minh.

Đóng góp thêm ý kiến liên quan tới hoạt động hợp tác quốc tế, bà Nguyễn Thị Thu Nga, Viện CL&KHTT nhấn mạnh, theo kinh nghiệm tại Viện Chiến lược và Chính sách, Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện CL&KHTT có thể xem xét hợp tác với các tổ chức quốc tế có các chương trình liên quan về PCTN như Chương trình Liên hợp quốc

về chống tham nhũng. Qua đó, chúng ta sẽ huy động được nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Riêng về tiêu chí xác định Chủ nhiệm đề tài, cần ưu tiên những cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn. Đối với biện pháp khắc phục sự chậm tiến độ trong nghiên cứu đề tài, cần áp dụng chế tài nghiêm khắc về tài chính. Còn về việc ứng dụng sản phẩm nghiên cứu, ngoài đáp ứng yêu cầu của bộ, ngành, cơ quan chủ quản, cần phối hợp với các địa phương để nắm bắt được nhu cầu thực tiễn.

Theo TS. Trần Lê Hồng, đại diện Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, việc xác định vấn đề nghiên cứu cần dựa trên cơ chế chuyên gia sẽ đảm bảo chất lượng nghiên cứu của đề tài. Tiếp ý kiến về vấn đề trùng lặp của bà Nguyễn Thị Minh Nga, TS. Trần Lê Hồng cho rằng, việc tra cứu cần được thực hiện tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, để loại ra những vấn đề đã được nghiên cứu. Đối với các viện nghiên cứu nói chung và Viện CL&KHTT nói riêng, cần xây dựng Quy chế về sở hữu trí tuệ riêng để đảm bảo vấn đề về bản quyền trong thời kỳ hội nhập.

Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý khoa học của TTCP trong thời gian tới, Ths. Phạm Thị Thu Hiền, Phó Viện trưởng Viện CL&KHTT cho rằng, việc xây dựng chương trình, kế hoạch nghiên cứu cần huy động tốt hơn nữa sự tham gia của thành viên Hội đồng Khoa học và lãnh đạo các đơn vị. Để thực hiện được điều này, trước hết cần xác định rõ nhu cầu nghiên cứu của ngành Thanh tra nói chung và của TTCP nói riêng, từ đó xác định được nội dung, phạm vi nghiên cứu có trọng tâm, trọng điểm. Quá trình xây dựng chương trình, kế hoạch nghiên cứu cần bám sát chiến lược phát triển ngành, nhiệm vụ chính trị của ngành Thanh tra và của TTCP, đồng thời đảm bảo tính khoa học, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn. “Trước đây, việc giao thực hiện đề tài khoa học chủ yếu theo phương thức phân công trực tiếp, không thông qua



đấu thầu cạnh tranh. Có thể nói, qua việc đấu thầu cạnh tranh sẽ lựa chọn được tổ chức, cá nhân có uy tín cao về mặt chuyên môn và khoa học, đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn làm Chủ nhiệm đề tài, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đảm bảo tiến độ triển khai và tính công khai trong tuyển chọn đề tài”, bà Hiền nhận định.

Để công tác triển khai nghiên cứu được thực hiện ngày càng tốt hơn, theo Phó Viện trưởng Viện CL&KHTT, từ việc xây dựng thuyết minh đề tài, đề cương nghiên cứu chi tiết cho đến việc triển khai các hoạt động nghiên cứu, Viện CL&KHTT sẽ nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong quản lý đề tài khoa học, từ đó có thể giúp các Ban Chủ nhiệm đề tài thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu; tăng cường việc hướng dẫn Ban Chủ nhiệm đề tài về các quy định của Nhà nước trong tổ chức thực hiện đề tài và quy định tài chính, kịp thời tháo gỡ những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện. Đồng thời, chú trọng nhiều hơn nữa việc kiểm soát quá trình tiếp thu ý kiến của Hội đồng nhằm hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu trước khi đưa vào lưu trữ, khai thác sử dụng.

Có thể thấy, quản lý khoa học là công tác hết sức quan trọng trong việc điều hành, triển khai hoạt động khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoạt động của ngành Thanh tra. Tuy nhiên, đứng trước những thách thức, công cuộc đổi mới đang đặt ra rất nhiều vấn đề đòi hỏi phải tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tạo lập cơ sở khoa học tin cậy làm nền tảng để xây dựng và hoàn thiện chiến lược, chính sách, thể chế của ngành trong thời gian tới. Do đó, người làm công tác nghiên cứu khoa học càng phải nỗ lực hơn nữa, nắm bắt xu thế, chỉ ra những tồn tại, hạn chế để áp dụng lý luận vào thực tiễn một cách có hiệu quả trong việc hoàn thiện và đổi mới công tác quản lý khoa học của Viện CL&KHTT nói riêng và của TTCP nói chung./.

Kết quả thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021” năm 2019

 **Hồ Thị Thu An**

*Trưởng phòng Tuyên truyền, kiểm tra và thẩm định VBPL
Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ*



Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Thanh chủ trì cuộc họp triển khai thực hiện Đề án 861 về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN giai đoạn 2019 - 2021
Ảnh: PV

Ngày 11/7/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN) giai đoạn 2019 - 2021” (sau đây gọi tắt là Đề án). Đề án được triển khai ở tất cả các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và chính quyền, đoàn thể địa phương các cấp từ năm 2019 đến hết năm 2021 cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, học sinh, sinh viên và người dân trên các địa bàn dân cư.

Mục tiêu chung của Đề án nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, ý thức chấp hành, học tập, tìm hiểu pháp luật về PCTN và đạo đức liêm chính; xây dựng lối sống liêm chính và tuân thủ pháp luật về PCTN trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; đưa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN phát triển ổn định, bền vững, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; góp phần tích cực cải thiện tình hình tham nhũng và công tác PCTN.



Để thực hiện Đề án, ở Trung ương, Thanh tra Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện Đề án, trong đó Trưởng Ban Chỉ đạo là Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo là Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ và thành viên bao gồm đại diện của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Đối với địa phương, Thanh tra Chính phủ đã có văn bản hướng dẫn căn cứ vào điều kiện thực tế có thể thành lập hoặc không thành lập Ban Chỉ đạo Đề án. Qua báo cáo của các địa phương, đa số không thành lập Ban Chỉ đạo Đề án mà UBND tỉnh đã kiện toàn Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và giao trách nhiệm cho Hội đồng này làm đầu mối hoặc Thanh tra tỉnh thực hiện Đề án. UBND tỉnh đã cụ thể, phân công trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị có liên quan để tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh.

Ngày 4/9/2019, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kế hoạch số 1512/KH-TTCP về việc triển khai thực hiện Đề án thuộc trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm tổ chức biên soạn, phát hành sách, tài liệu tuyên truyền về pháp luật PCTN; hoàn thiện nội dung, hình thức chuyên trang PCTN trên cổng thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ; tổ chức và chỉ đạo, hướng dẫn thanh tra bộ, ngành, địa phương tham mưu tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cập nhật chính sách pháp luật về PCTN cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác PCTN; hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN trên Báo Thanh tra, Tạp chí Thanh tra, Trung tâm Thông tin, trang thông tin điện tử của Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra; tổ chức hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, đối thoại, nói chuyện chuyên đề có nội

dung, chủ đề về PCTN; tổ chức hội nghị toàn quốc biểu dương người tốt, việc tốt trong PCTN; hướng dẫn hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN của các bộ, ngành, địa phương; tổ chức các sự kiện tuyên truyền tập trung cấp quốc gia; phát hành, quảng bá trên phạm vi toàn quốc tranh, ảnh, khẩu hiệu cổ động về PCTN trong dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế PCTN - 9/12 hàng năm; hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án.

Đối với bộ, ngành, địa phương và cơ quan, đoàn thể Trung ương, thực hiện trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Đề án, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Công văn số 1487/TTCP-PC ngày 29/8/2019 về việc triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021”, hướng dẫn các bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, tổ chức thực hiện Đề án thống nhất trên cả nước. Theo đó, Thanh tra Chính phủ đã hướng dẫn về triển khai thực hiện Đề án cũng như các nhiệm vụ cụ thể và chế độ thông tin, báo cáo. Các địa phương, trên cơ sở mục tiêu, nội dung của Đề án và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án với các hoạt động cụ thể trong năm 2019, 2020 và cả giai đoạn. Nhìn chung, tất cả các bộ, ngành, địa phương và các đoàn thể đều đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án. Bên cạnh đó, UBND tỉnh hoặc Thanh tra tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, chỉ đạo thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án tại địa phương.

Sau 05 tháng triển khai thực hiện Đề án (từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019), kết quả thực hiện Đề án được thể hiện như sau:

Thứ nhất, tăng cường hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về PCTN

Hầu hết các bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể và địa phương đã tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về PCTN cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức. Nhìn chung, các cơ quan Nhà nước, tổ chức hành chính, Đảng, đoàn thể đã tổ chức tuyên truyền Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thông qua nhiều hình thức như: Lồng ghép nội dung tìm hiểu pháp luật về PCTN trong các cuộc sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên môn, văn bản chỉ đạo đến các đơn vị trực thuộc, phát tài liệu giới thiệu những điểm mới của Luật PCTN đến cán bộ, công chức...

Hiện nay, Thanh tra Chính phủ đang tập trung triển khai các hoạt động biên soạn sách, tài liệu đảm bảo phát hành đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đẩy mạnh thực hiện đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật về PCTN cho đội ngũ giảng viên, giáo viên giảng dạy bộ môn giáo dục công dân và môn pháp luật tại các cơ sở giáo dục.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ và phát huy phương tiện truyền thông

Đến nay, các bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể và địa phương đều tổ chức đăng tải tài liệu giới thiệu, tuyên truyền các nội dung cơ bản của Luật PCTN năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP cùng nhiều bài viết phân tích những điểm mới của luật, tình hình hoạt động xét xử và công tác xử lý vi phạm liên quan đến các vụ việc tham nhũng trên cổng thông tin điện tử của cơ



quan, tổ chức, địa phương mình. Hệ thống các cơ quan truyền thông từ Trung ương đến cơ sở đã tăng cường hoạt động tuyên truyền pháp luật về PCTN cả về tần suất và thời lượng. Các chương trình, chuyên mục về đề tài PCTN với nội dung, hình thức phong phú được phát vào các khung giờ cao điểm trên sóng truyền hình VTV, VTC, TTXVN, sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Điện tử VTV News, VTC News... đồng thời, được chuyển tiếp trên các chương trình truyền hình, phát thanh của địa phương.

Thứ ba, lựa chọn mô hình điểm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN

Đến nay, các bộ ngành, địa phương đã thực hiện xong việc lựa chọn đơn vị mô hình điểm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN. Mỗi bộ, ngành chọn chỉ đạo điểm 01 đơn vị trực thuộc; mỗi UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chọn chỉ đạo điểm 01 địa phương trực thuộc. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, thành phố, các đơn vị cấp huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án ở cấp mình, lựa chọn chỉ đạo điểm 01 đơn vị cấp xã. Ở hầu hết địa phương, Thanh tra tỉnh được giao trách nhiệm là cơ quan chủ trì cùng với Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo điểm về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN ở các đơn vị trực thuộc.

Từ ngày 01/7/2019, Luật PCTN năm 2018 chính thức có hiệu lực thi hành; Chính phủ đã và đang tiếp tục ban hành các văn bản quy định chi tiết triển khai, đảm bảo các quy định của Luật đi vào thực tiễn. Công tác PCTN nói chung, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền.

Mặc dù kết quả triển khai thực hiện Đề án trong 05 tháng năm 2019 trên cho thấy, các hoạt động tuyên truyền chưa nhiều, chủ yếu tập trung vào các hoạt động ban hành kế hoạch triển khai; tập huấn, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng chống tham nhũng cho đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và những người làm công tác PCTN... Tuy nhiên, những kết quả đạt được trên có ý nghĩa bước đầu tạo nề nếp thực hiện hiệu quả Đề án trong những năm tiếp theo.

Để thực hiện các nhiệm vụ Đề án đã đặt ra trong năm 2020 và đến hết năm 2021, Ban Chỉ đạo Đề án ở Trung ương và Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh cần phải thường xuyên bám sát công tác triển khai thực hiện Đề án; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các nội dung Đề án theo kế hoạch và bảo đảm việc triển khai Đề án một cách đồng bộ, hiệu quả và hướng theo chiều sâu; sớm phát hiện và kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai; các cấp ủy Đảng, chính quyền tiếp tục quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án, nhất là ở các đơn vị đã lựa chọn điểm, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu Đề án đã đặt ra. Trong đó, chú trọng chuyển biến về hành vi tự giác chấp hành, tự nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật về PCTN, hình thành đạo đức xã hội, lối sống liêm chính./.

Tháng Ba quan họ

Tháng Ba về miền Quan họ
Triền đê xanh biếc cỏ mềm
Sông Cầu mưa giăng huyền ảo
Gió mềm như cánh tay êm

Hội Lim đến hẹn lại lên
Thắm môi miếng trầu cánh phượng
Lời hát chèo nghiêng nhịp bước
Tình say trống phách rối lòng

Bến quê bồi lở đục trong
Dùng dằng người đi người ở
Tháng Ba mưa giăng nỗi nhớ
Cho ai lạc lối đi về!

Lê Hiếu Trung



Ảnh: ST



Những vấn đề lý luận chung về việc sử dụng tình huống trong giảng dạy chuyên đề Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân

Ths. Đặng Thùy Trâm

Giảng viên Khoa Nghiệp vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo Trường Cán bộ Thanh tra



Lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo

G iảng dạy bằng việc sử dụng tình huống trong các chuyên đề Nghiệp vụ kỹ năng nói chung và chuyên đề nghiệp vụ kỹ năng tiếp công dân nói riêng có tác dụng tốt đối với việc ghi nhớ các kiến thức lý luận gắn với xử lý các tình huống thực tế khi thực hiện nhiệm vụ công vụ được giao tại cơ quan, đơn vị. Khi giảng dạy theo phương pháp nghiên cứu tình huống, giảng viên thường đưa ra một lượng kiến thức về lý luận đầy đủ, sau đó lựa chọn tình huống điển hình, khách quan, mang tính thời sự để học viên phân tích,

đánh giá, xử lý tình huống, như vậy sẽ giúp học viên nhớ kiến thức lý thuyết tốt hơn.

Khi giảng viên lựa chọn tình huống, nên lựa chọn những tình huống có tính chất liên kết với lý thuyết để giúp học viên vận dụng và điều chỉnh nhiều loại lý thuyết khác nhau, hình thành nên kỹ năng tự nghiên cứu, tự nắm bắt, đánh giá, phân tích, tổng hợp. Việc nghiên cứu các tình huống đòi hỏi phải tổ chức làm việc nhóm. Để giải quyết tình huống, cả nhóm học viên cùng phân tích và thảo luận để đưa ra các giải pháp xử lý tình huống, sau đó trình bày giải pháp của nhóm trước cả lớp. Việc này sẽ giúp

học viên tiếp thu được kinh nghiệm làm việc theo nhóm, chia sẻ kiến thức, thông tin để cùng đạt đến mục tiêu chung. Các kỹ năng như lắng nghe/hỏi - đáp/ghi nhớ, ghi chép cũng được hình thành trong quá trình tổ chức các hoạt động trong nhóm. Như vậy, hoạt động học tập, trao đổi, thảo luận trong nhóm sẽ góp phần nâng cao các năng lực trao đổi thông tin. Mặt khác, trong vai trò của người dẫn dắt, người dạy cũng sẽ tiếp thu được rất nhiều kinh nghiệm và những cách nhìn, giải pháp mới từ phía người học để làm phong phú bài giảng và điều chỉnh nội dung tình huống nghiên cứu theo hướng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ



ghi nhớ, lắng nghe, hỏi - đáp... cho người học.

Khái quát chung về việc sử dụng tình huống

Có nhiều cách hiểu khác nhau về việc sử dụng tình huống, có tài liệu cho rằng đây là một phương pháp dạy học, như tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa, Đại học Quốc gia Hà Nội cho rằng: *"Phương pháp tình huống là một phương pháp đặc thù của dạy học giải quyết vấn đề theo tình huống, ở đó, các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trường hợp được nêu ra trong dạy học là những tình huống dạy học điển hình và quá trình người học nghiên cứu cũng chính là quá trình hiểu và vận dụng tri thức."*

Theo Giáo trình phương pháp giảng dạy tích cực, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; biên soạn GS.TS. Đinh Văn Tiến, Ths. Nguyễn Thị Minh Phượng, phương pháp sử dụng tình huống là một trong những phương pháp dạy học tích cực hay phương pháp giảng dạy hiện đại (theo cách gọi hiện nay) là một phương pháp bao gồm hai bộ phận chính: (1) Phương pháp thuyết trình truyền thống. Đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình giảng dạy; (2) Các phương pháp hỗ trợ cho thuyết trình, được sử dụng để khuyến khích người học tham gia, tạo không khí tích cực cho học viên, thay đổi trạng thái tiếp thu thông tin của người học.

Như vậy, việc sử dụng tình huống trong giảng dạy phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy. Việc sử dụng tình huống trong giảng dạy cũng được cho là một trong những phương pháp dạy học tích cực, kích thích được sự hứng thú, tính chủ động của học viên.

Bước cơ bản của việc sử dụng tình huống trong giảng dạy chuyên đề Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân bao gồm các nội dung: Việc xây dựng tình huống, mô tả nội

dung tình huống, đề xuất phương án xử lý tình huống. Để thực hiện được những yêu cầu trên giáo viên cần định hướng cho người học biết kết hợp nhiều phương pháp học tập khác nhau như: Phát vấn, thảo luận nhóm, trực quan để đề ra các hướng xử lý tình huống phù hợp và đúng quy định của pháp luật... Và mục đích cuối cùng là giải quyết các vấn đề lý thuyết liên quan trong từng nội dung của bài giảng chuyên đề Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân.

Có thể thấy, quá trình xây dựng, chuẩn bị và sử dụng bài tập tình huống trong bồi dưỡng nghiệp vụ khá công phu và phức tạp. Ở mỗi công đoạn đều có những yêu cầu và tiêu chuẩn riêng mà giảng viên và học viên cần phải tuân thủ. Như vậy, khi sử dụng tình huống trong bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ giảng viên cần đảm bảo yêu cầu sau: (1) Tình huống xây dựng phải phù hợp và phục vụ cho việc thực hiện mục đích, nội dung của bài học; (2) Nội dung tình huống phải đảm bảo tính chính xác, tính khoa học, tính thực tiễn, bám sát kiến thức nghiệp vụ của chuyên đề; (3) Tình huống phải có tính thực tế, phải gắn với những vụ việc liên quan đến nghiệp vụ tiếp công dân, giúp người học có thể liên hệ với bài học một cách dễ dàng; (4) tình huống phải hấp dẫn, khơi dậy sự hứng thú, khơi dậy khả năng tự nghiên cứu của học viên; (5) Tình huống phải mang tính khả thi, bảo đảm những điều kiện cần và đủ để đưa đến giải pháp hợp lý, dễ chấp nhận; (6) Tình huống phải phù hợp đối tượng học viên, không quá đơn giản hay quá phức tạp; (7) Phải chứa đựng phương hướng giải quyết vấn đề, thu hẹp phạm vi tìm phương án giải quyết vấn đề đặt ra trong tình huống (nghĩa là có định hướng rõ ràng, nhằm đúng bản chất của vấn đề, không được chung chung, mơ hồ và có thể gây cho người học hiểu nhầm hay hiểu lệch ý); (8) Câu hỏi phải tạo điều kiện làm xuất hiện giả thuyết, tạo điều kiện tìm ra phương án đúng đắn nhất để giải quyết vấn đề xuất hiện trong tình huống; (9) Câu hỏi cần phải được diễn đạt đúng văn phạm, ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, khoa học; (10) Câu hỏi phải mang tính logic, có sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn, gây

hứng thú nhận thức, kích thích người học tư duy, tìm câu trả lời.

Các yêu cầu triển khai đối với tình huống cần phải được phân loại từ đơn giản đến phức tạp để có thể minh họa áp dụng cho từng nội dung của chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, học viên có thể ứng dụng vào nghiệp vụ chuyên môn được giao tại cơ quan, đơn vị.

Mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng tình huống trong giảng dạy

Mục đích của việc sử dụng tình huống trong giảng dạy

Việc nêu tình huống trong dạy học là tạo nên chuỗi các sự kiện có vấn đề và điều khiển hoạt động học của người học qua chuỗi sự kiện ấy nhằm giúp người học tự giải quyết các vấn đề đặt ra. Cụ thể, giảng viên tạo nên một hệ thống tình huống có vấn đề theo trình tự logic chặt chẽ gắn bó với nhau theo nội dung bài giảng; tổ chức điều khiển hoạt động học của học viên, giúp học viên vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề đó; đồng thời, giúp học viên nhận diện rõ các vấn đề đặt ra trong tình huống. Việc sử dụng tình huống trong giảng dạy sẽ giúp giảng viên bám sát nội dung vấn đề giảng dạy, làm sáng tỏ nội dung chuyên đề, học viên vận dụng vào thực tế khi thực thi nhiệm vụ, công vụ được phân công tại cơ quan đơn vị.

Ý nghĩa của việc sử dụng tình huống

Giảng dạy theo tình huống là một phương pháp tiên tiến. Việc sử dụng giải quyết tình huống trên lớp đi thẳng vào việc giải quyết các vấn đề thực tế trong việc thực hiện nhiệm vụ công vụ của cán bộ tiếp công dân tại cơ sở, qua đó học viên không những có thể nhớ kiến thức lý thuyết lâu hơn mà còn biết vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống cụ thể. Việc sử dụng tình huống có khả năng gắn kết với thực tế rất cao vì thế lựa chọn sử dụng tình huống để giảng dạy chuyên đề Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân là phù hợp.

Như vậy, để việc giảng dạy chuyên đề Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân thành công, cũng như nâng cao chất lượng từng



nội dung bài giảng về quy trình nghiệp vụ nói chung trong phạm vi giảng dạy cho các đối tượng học viên dự nguồn bổ nhiệm thanh tra viên (các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên), mỗi giảng viên phải có tư duy tiếp cận về lý luận, từ đó lựa chọn các dạng bài tập tình huống phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt. Nội dung các tình huống được tác giả lựa chọn phân tích, xử lý trong điều kiện thời lượng hiện đang được sắp xếp, bố trí giảng dạy 08 tiết phải trên cơ sở lồng ghép giữa lý thuyết và thực tế để phù hợp với thời lượng lên lớp. Giảng viên phải thường xuyên cập nhật tình hình thực tế, vận dụng kinh nghiệm thực tế trong thực tiễn để giải quyết vấn đề lý luận từng bước đáp ứng yêu cầu của học viên, cũng như sự đổi mới của nhà trường. Nếu tình huống được xây dựng có chất lượng và giảng viên có kỹ năng tốt trong việc giảng dạy bằng phương pháp sử dụng tình huống thì sẽ tạo ra những cơ hội giúp học viên có được những kinh nghiệm thực tế, trau dồi và phát triển được các kỹ năng thực hành cần thiết khi áp dụng vào việc thực thi nhiệm vụ công vụ.

Các bước của việc sử dụng tình huống trong giảng dạy

Việc sử dụng tình huống trong giảng dạy được thực hiện ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào sự tham gia của giảng viên và học viên vào việc giải quyết vấn đề đó như thế nào. Nếu trường hợp giáo viên thực hiện toàn bộ quá trình giải quyết tình huống có vấn đề trên lớp thì đó là phương pháp thuyết trình. Nếu trường hợp cả giảng viên và học viên tham gia cùng thực hiện quá trình giải quyết tình huống có vấn đề thì đó là phương pháp sử dụng tình huống trong giảng dạy.

Đối với việc giảng dạy chuyên đề Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân, giảng viên cụ thể hóa yêu cầu của việc sử dụng tình huống trong giảng dạy theo các bước để ứng dụng vào việc giảng dạy, ở đó có sự tham gia cùng thực hiện của học viên trong việc giải quyết các vấn đề mà giảng viên đặt ra. Cụ thể:

Bước 1 là bước đặt vấn đề, xây dựng nội dung tình huống (công việc của giảng viên) gồm: Lựa chọn nội dung, xây dựng (tạo) tình huống có vấn đề; phát hiện và nhận dạng vấn đề nảy sinh trong tình huống; nêu vấn đề cần giải quyết. Ở bước này giảng viên phải chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các tình huống có vấn đề/mô tả nội dung tình huống/định dạng được các vấn đề phát sinh cần giải quyết trong tình huống. Đối với học viên: Tiếp nhận nội dung tình huống.

Bước 2 là bước giải quyết vấn đề đặt ra trong tình huống (công việc của giảng viên: Gợi ý nội dung; Công việc của học viên: Phát hiện, trao đổi, thảo luận) gồm: Đề xuất phương án giải quyết vấn đề trong tình huống; lập kế hoạch giải quyết vấn đề; thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Ở bước này giảng viên đặt vấn đề cần giải quyết/nêu nội dung, yêu cầu cần trao đổi, thảo luận. Chia nhóm thực hiện nội dung. Đối với học viên: Chia nhóm thực hiện nội dung. Học viên cần nêu được những căn cứ pháp lý/đề xuất được phương án xử lý/đánh giá ưu, nhược điểm của phương án đã đề xuất/lựa chọn một phương án tối ưu để giải quyết vấn đề đặt ra trong tình huống/thảo luận kết quả.

Bước 3 là bước kết luận (công việc của Giảng viên: Kết luận, giải quyết các nội dung có vấn đề của tình huống /Học viên: trao đổi lại (nếu có)) gồm: Khẳng định hay bác bỏ các phương án giải quyết đã thực hiện; phát biểu kết luận. Ở bước này, giảng viên nhận xét, đánh giá về kết quả thảo luận của mỗi

THÁNG BA

Tháng Ba nở tím hoa cà
 Tím triền đê, tím bao la đất trời
 Dịu hiền tím cánh xoan rơi
 Người xưa, lối cũ tím vơi vợi xa
 Ngọn cỏ non tím la đà
 Cánh bướm tím ánh dương tà hoàng hôn
 Khói lam chiều tím làng thôn
 Tháng Ba biếc tím cảnh mềm mùa xuân

Lê Hoài Minh



Ảnh: ST

nhóm (khẳng định hay bác bỏ). Đối với học viên: Trao đổi/phản biện (nếu có).

Bước 4 là bước tổng kết và rút kinh nghiệm (công việc của giảng viên) gồm: Đánh giá tổng kết vấn đề; nêu phương án mới (nếu có); rút kinh nghiệm từ thực tế đến nội dung lý luận của đề. Ở bước này giảng viên tổng kết nội dung thảo luận/kết luận nội dung tình huống đã đặt ra gắn với việc tổng kết lý luận nghiệp vụ. Đối với học viên: Tiếp nhận nội dung thông tin.

Như vậy, bằng việc nghiên cứu các tình huống thực tế giúp học viên thấy được biểu hiện và vai trò của kiến thức lý thuyết đã và đang được học. Nhờ đó, thái độ tích cực tự nghiên cứu, tự tìm hiểu, áp dụng kiến thức lý luận vào giải quyết tình huống thực tế của học viên giúp học viên ghi nhớ lâu, tránh việc tiếp thu kiến thức thụ động, xa rời thực tế, đồng thời thông qua việc xử lý tình huống, người học sẽ có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết vào thực tế công tác tại cơ quan, đơn vị./.



Quy định về thủ tục đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL: Thực trạng và một số kiến nghị

 **Ths. Lê Thị Hương Thủy**

Trưởng phòng Nghiên cứu Pháp luật về các vấn đề xã hội,
Viện Nghiên cứu Lập pháp



Ảnh: ST

Q uy định pháp luật về hoạt động đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) là khâu bắt buộc và báo cáo đánh giá tác động chính sách là một thành phần không thể thiếu trong hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL, nhất là hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh. Do đó, việc nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về thủ tục đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL là vấn đề cấp thiết được đặt ra.

Quan niệm về đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL

Đánh giá tác động chính sách là đánh giá tác động điều chỉnh của quy phạm pháp luật (Regulatory Impact Assessment - RIA) có thể xảy ra từ sự thay đổi chính sách, được thực hiện trong quá trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá các giải pháp, lựa chọn chính sách, cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền để lựa chọn được giải pháp tốt nhất. Một dự thảo VBQPPL là kết quả của đánh giá tác động

chính sách, chứ không phải là khởi đầu và cơ sở của đánh giá tác động chính sách.

Theo quy định hiện hành, đánh giá tác động chính sách được hiểu là *việc cơ quan, tổ chức, cá nhân (đại biểu Quốc hội) đề nghị xây dựng VBQPPL thực hiện phân tích, dự báo tác động của chính sách đang được xây dựng đối với đối tượng có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu sự tác động trực tiếp của VBQPPL từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu thực hiện chính sách*. Cách hiểu này dựa trên quy định tại Khoản 2, Điều 3 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (Luật Ban hành VBQPPL)⁽¹⁾;



Khoản 1, 2, Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 giải thích về khái niệm “chính sách”⁽²⁾, “đánh giá tác động của chính sách”⁽³⁾.

Quy định về thủ tục đánh giá tác động chính sách và xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách

Việc đánh giá tác động chính sách ở nước ta được xác định từ giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL và đầu ra là báo cáo đánh giá tác động chính sách (sau đây gọi là báo cáo). Để thực hiện hoạt động này, có thể khái quát các bước chính mà cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện trong quá trình lập đề nghị xây dựng VBQPPL như sau:

Bước 1: Lập kế hoạch đánh giá tác động chính sách trên cơ sở xây dựng các nội dung đánh giá tác động

Việc lập bản kế hoạch là bước đầu tiên, qua đó thể hiện đầy đủ các nội dung để đánh giá tác động chính sách bao gồm: Xác định các vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề; mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề; định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề; đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách và thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề⁽⁴⁾. Đánh giá tác động chính sách về kinh tế, tác động xã hội và tác động đối với hệ thống pháp luật là ba nội dung bắt buộc, còn đánh giá tác động về giới được thực hiện khi chính sách đề nghị xây dựng có liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới và đánh giá tác động về thủ tục hành chính được thực hiện khi phải có thủ tục hành chính cần thiết, hợp pháp, hợp lý để thực hiện chính sách.

Bước 2: Lấy ý kiến góp ý, phản biện từ cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự tác

động trực tiếp của VBQPPL sau khi được ban hành

Có thể coi đây là bước rất quan trọng, bởi qua đó, các chủ thể chịu sự tác động trực tiếp của chính sách bày tỏ mong muốn của mình. Ở bước này, điều quan trọng quyết định tính hiệu quả, đó là xác định đúng, đủ đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, bên cạnh đó, để đảm bảo việc lấy ý kiến góp ý, ý kiến phản biện thu được kết quả chính xác, đầy đủ, khách quan còn phụ thuộc vào cách thức lấy ý kiến, phương pháp lấy ý kiến, thời gian gửi hồ sơ, nội dung lấy ý kiến, nội dung hồ sơ, tài liệu gửi lấy ý kiến.

Bước 3: Xây dựng dự thảo báo cáo

Dự thảo báo cáo được xây dựng theo hướng dẫn tại Mẫu số 01 Phụ lục V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Bối cảnh, nội dung của dự thảo báo cáo kết cấu thành 5 Mục: (I) Xác định vấn đề bất cập tổng quan; (II) Đánh giá tác động của chính sách; (III) Lấy ý kiến; (IV) Giám sát và đánh giá; (V) Phụ lục. Trong đó, Mục II về Đánh giá tác động của chính sách được hướng dẫn chi tiết hơn cả. Vì là dự thảo lần đầu, nên các nội dung nhiều khi chỉ mang tính nêu vấn đề và giải quyết ở mức vừa phải.

Bước 4: Đăng tải, lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách vào dự thảo báo cáo

Ở bước này, dự thảo báo cáo được cơ quan, tổ chức, cá nhân lập đề nghị đưa lên đăng tải cùng với các tài liệu khác trong hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL trên cổng thông tin điện tử Chính phủ, cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan lập đề nghị để người dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách góp ý vào dự thảo báo cáo. Hình thức đăng tải công khai nhằm tạo thêm kênh lấy ý kiến cho mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân

để tiếp cận dù ở bất cứ nơi đâu thông qua các phương tiện công nghệ kết nối được với mạng Internet, đồng thời, qua đó cũng công khai các ý kiến đóng góp đối với dự thảo báo cáo.

Bước 5: Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý

Chủ thể thực hiện bước này là cơ quan, tổ chức, cá nhân lập đề nghị. Tại bước này cần lưu ý: (i) Tổng hợp đầy đủ, phản ánh trung thực mọi ý kiến góp ý, ý kiến phản biện bao gồm cả cơ sở lý luận, thực tiễn của từng ý kiến; (ii) Công tác giải trình và tiếp thu liên quan mật thiết, gắn bó chặt chẽ với nhau: Giải trình lý giải cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn cho việc vì sao tiếp thu, bổ sung ý kiến này và vì sao xem xét chưa đưa nội dung góp ý khác vào dự thảo báo cáo; (iii) Một phần kết quả của đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới cho từng giải pháp chính sách cũng là một phần của đánh giá tác động về hệ thống pháp luật (điều kiện bảo đảm thi hành).

Bước 6: Chinh lý, hoàn thiện báo cáo

Để hỗ trợ xây dựng báo cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân lập đề nghị có thể huy động sự tham gia của các viện nghiên cứu, trường đại học, hội, hiệp hội, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Việc hỗ trợ này được thực hiện từng bước hoặc ở tất cả các bước tùy thuộc vào nhu cầu, nhận định của cơ quan, tổ chức lập đề nghị hoặc yêu cầu của cơ quan thẩm tra, cơ quan thẩm định, cơ quan có thẩm quyền ban hành VBQPPL. Thực tế thực hiện đánh giá tác động chính sách cho thấy, ngay cả khi báo cáo đã được cơ quan, tổ chức, cá nhân lập đề nghị xây dựng VBQPPL ban hành thì việc bổ sung nội dung đánh giá tác động của chính sách vẫn xảy ra. Khi đó, phải tiếp tục thực hiện các bước phù hợp để cuối cùng có được báo cáo toàn diện, phản ánh đầy đủ nhất các vấn đề cần giải quyết và đưa ra giải pháp tối ưu trong xây dựng và thực hiện chính sách.



Một số kiến nghị hoàn thiện quy định về đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL

Một là, luật cần quy định rõ ràng và văn bản hướng dẫn luật có hướng dẫn cụ thể để tách bạch ý kiến góp ý và ý kiến phản biện

Trong thực hiện vẫn thường có sự nhầm lẫn, đánh đồng hai loại ý kiến này. Hiện nay, vai trò phản biện xã hội được giao cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 9, Hiến pháp năm 2013). Tuy nhiên, khái niệm phản biện chưa được làm rõ từ góc độ quy định pháp luật. Do đó, muốn hoạt động lấy ý kiến thực sự hiệu quả, cần bổ sung quy định về khái niệm *ý kiến góp ý* với *ý kiến phản biện*, từ đó làm cơ sở xác định đối tượng lấy ý kiến góp ý và đối tượng lấy ý kiến phản biện, phân loại vấn đề lấy ý kiến góp ý - ý kiến phản biện, quy định lấy ý kiến phản biện đối với chính sách lớn, có nhiều ý kiến khác nhau và thiết kế sửa đổi Phần III của Mẫu hướng dẫn xây dựng báo cáo hiện tại theo hướng này.

Hai là, bổ sung quy định cụ thể theo hướng mở rộng đối tượng chủ thể lấy ý kiến vào dự thảo báo cáo

Luật Ban hành VBQPPL quy định chủ thể được lấy ý kiến là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách và ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Hướng dẫn chi tiết quy định này, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP phân cấp việc lấy ý kiến theo chủ thể (cơ quan, tổ chức) có thẩm quyền đề nghị ban hành VBQPPL: Lấy ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức có liên quan đối với hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL của cơ quan Trung ương; lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, cơ quan, tổ chức khác có liên quan đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

lấy ý kiến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp. Như vậy, việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức nào có liên quan hoàn toàn do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị xây dựng VBQPPL xác định. Quy định này mang tính bao quát, khó xác định là phải lấy ý kiến của bao nhiêu cơ quan, tổ chức có liên quan, dẫn đến thực tế là có chính sách còn thiếu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ liên quan.

Bên cạnh đó, để đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL, cơ quan, tổ chức lập đề nghị có thể huy động sự tham gia của các viện nghiên cứu, trường đại học, hội, hiệp hội, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học là những cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn sâu về từng lĩnh vực. Quy định này mang tính mở nhưng không mang tính bắt buộc nên hoàn toàn phụ thuộc ý chí của cơ quan, tổ chức lập đề nghị xây dựng VBQPPL. Trong khi thực tế lâu nay, các viện nghiên cứu, trường đại học, các chuyên gia, nhà khoa học đã và đang có những đóng góp rất lớn trong hoạt động xây dựng pháp luật.

Vì vậy, kiến nghị cần xem xét, quy định theo hướng mở rộng và cụ thể hơn trong luật về chủ thể bắt buộc phải lấy ý kiến vào dự thảo báo cáo và hoạt động đánh giá tác động của chính sách.

Ba là, bổ sung quy định về hình thức lấy ý kiến vào dự thảo báo cáo theo từng đối tượng cụ thể xin ý kiến

Trong thực tiễn, hoạt động tổ chức lấy ý kiến đóng góp, phản biện xã hội khó đảm bảo yêu cầu về thời gian và chất lượng, hiệu quả chưa cao, bởi: Chưa được các cơ quan có thẩm quyền quan tâm đúng mức, việc xin ý kiến trực tiếp người dân vào đề nghị ban hành văn bản còn rất hiếm hoi, còn mang tính hình thức khiến người dân chưa mặn mà, nhiều cơ quan được lấy ý kiến

chưa làm hết trách nhiệm... Trong những năm gần đây, việc lấy ý kiến chủ yếu được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước vì hình thức này có thể coi là dễ tiếp cận nhất, nhận được ý kiến nhanh nhất. Tuy vậy, có những dự thảo đăng tải trên cổng thông tin điện tử nhưng số lượng truy cập thấp và hầu như không có ý kiến góp ý xây dựng luật. Bên cạnh đó, hình thức này không phù hợp khi lấy ý kiến của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng sâu vùng xa... Các nguyên nhân này đang trực tiếp làm ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng luật cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi của những đối tượng do luật tác động.

Do đó, để tổ chức lấy ý kiến nhân dân, đảm bảo nhân dân tích cực tham gia vào hoạt động xây dựng pháp luật, cần tăng cường lấy ý kiến ở khu dân cư, cộng đồng; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi theo chuyên đề giúp người dân hiểu rõ, hiểu đúng bản chất, nội dung của từng chính sách... Đồng thời, quy định cụ thể về sự tham gia rộng rãi của người dân, doanh nghiệp, các nhà khoa học vào các giai đoạn xây dựng, soạn thảo và ban hành quy định pháp luật. Quy định những trường hợp bắt buộc phải lấy ý kiến rộng rãi của người dân trước khi ban hành. Bên cạnh đó, đề nghị có quy định cụ thể, chặt chẽ về đối tượng, nội dung, phương pháp điều tra, phương pháp tổng hợp nhằm đảm bảo chất lượng các cuộc điều tra xã hội học là thực chất, dựa trên cơ sở thực tiễn. Các vấn đề này phải được xem xét đưa vào thiết kế chi tiết trong mẫu Báo cáo đánh giá tác động.

Bốn là, bổ sung quy định về trách nhiệm phản hồi và giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân lập đề nghị

Công tác giải trình việc tiếp thu ý kiến góp ý, ý kiến phản biện đã được Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn, tuy nhiên chưa cụ thể. Xuất phát từ việc lấy ý kiến góp ý nhiều lúc còn hình thức, mang tính thủ tục nên có trường hợp ý kiến góp ý hợp



lý, xác đáng không được xem xét tiếp thu nhưng cũng không có bất kỳ sự giải trình nào. Vì thế, cần bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm phản hồi và giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân lập đề nghị về các nội dung góp ý, mức độ, kết quả tiếp thu.

Năm là, rà soát sửa đổi quy định theo hướng tăng thời gian cho ý kiến

Một điều hiển nhiên đảm bảo cho hiệu quả lấy ý kiến là thời gian phải đủ dài để chủ thể được lấy ý kiến nghiên cứu vấn đề. Yêu cầu này đòi hỏi công tác chuẩn bị cho việc lấy ý kiến không được hời hợt, sơ sài về nội dung; các vấn đề xin ý kiến phải được xác định rõ ràng, tập trung, tránh dàn trải; phân biệt, sàng lọc vấn đề xin ý kiến để gửi đến đúng đối tượng... Thực tế cho thấy, thời gian gửi lấy ý kiến thường rất gấp không bảo đảm quy định trong khi phạm vi các vấn đề lấy ý kiến thường rộng, cần thời gian nghiên cứu chuyên sâu, thủ tục cho ý kiến lại phải đảm bảo tính hành chính dẫn đến tình trạng phổ biến là gửi văn bản góp ý chậm, trong nhiều trường hợp, nội dung, chất lượng của các ý kiến còn hạn chế, góp ý đơn giản, sơ sài, nặng về câu chữ, kỹ thuật trình bày văn bản mà chưa tập trung nhiều vào các nội dung của dự thảo báo cáo. Vì vậy, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng tăng thời gian cho ý kiến đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp là 30 ngày, đối với hình thức đăng tải là 45 ngày, với các cơ quan, tổ chức liên quan là 30 ngày... Khoảng thời gian này là phù hợp, đủ để các chủ thể được lấy ý kiến có điều kiện tìm hiểu, nghiên cứu, tổng hợp ý kiến, ban hành văn bản góp ý và gửi đến cơ quan, tổ chức lấy ý kiến. Điều này liên quan đến cân đối tổng thời gian hoàn thành báo cáo cần phải được tính toán khoa học, thể hiện rõ ràng ở từng giai đoạn.

Việt Nam đã trở thành quốc gia đầu tiên trong ASEAN chính thức áp dụng đánh giá tác động chính sách trong công tác xây dựng pháp luật bằng việc xuất hiện chế định đánh giá tác động chính sách trong Luật Ban hành VBQPPL (từ năm 2008). Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 đã có một số sửa đổi, bổ sung chế định này theo hướng tiên bộ, đầy đủ, chi tiết hơn, tuy nhiên, thực tiễn áp dụng luật cho thấy vẫn còn những vấn đề về thủ tục đánh giá tác động chính sách cần được chỉnh sửa để đảm bảo hiệu quả của hoạt động này từ nhận thức đến tổ chức thực hiện, nhất là khi trong thời gian tới, chúng ta còn có một khối lượng lớn các chính sách cần đánh giá, xây dựng và hoàn thiện. Có như vậy, mới giảm thiểu được việc ban hành chính sách kém hiệu quả, tạo những gánh nặng chi phí cho Nhà nước và người dân (chi phí xây dựng, chi phí thực thi) cũng như tác động tiêu cực đối với những nhóm đối tượng chịu tác động, bị điều chỉnh bởi chính sách đó đem lại.

Chú thích:

(1) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của VBQPPL là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành;

(2) Chính sách là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định;

QUÀ TẶNG

Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3

Nhớ ngày mùng Tám tháng Ba
Bó hoa tươi thắm làm quà tặng em
Yêu em lời nói từ tim
Em là cô Tấm thảo hiền đời tôi

Tháng Ba xao xuyến bồi hồi
Vần thơ anh viết tặng người nét na
Mùng ngày mùng Tám tháng Ba
Nhớ em - Anh nhớ tháng Ba cháy lòng!

Lê Hồng Điệp



Ảnh: Trần Chính

(3) Đánh giá tác động của chính sách là việc phân tích, dự báo tác động của chính sách đang được xây dựng đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu thực hiện chính sách;

(4) Điều 5, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp năm 2013;
2. Luật Ban hành VBQPPL năm 2015;
3. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL;
4. Bộ Tư pháp, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID GIG) (2018) "Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động chính sách".
5. Mai Lan, "Nâng cao nhận thức về đánh giá tác động chính sách", Nguồn: <https://www.nhandan.com.vn/>.



HỌC VIÊN CÔNG AN NHÂN DÂN VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH MẠNG TRONG THỜI ĐẠI SỐ HÓA

Vũ Việt Hà

Trương Minh Trúc

Học viện Chính trị Công an nhân dân

Khoa học và công nghệ phát triển, đặc biệt là sự bùng nổ của cuộc cách mạng kỹ thuật số đã đem lại những lợi ích thiết thực đối với mọi mặt của đời sống xã hội. Tuy nhiên, cũng đặt ra không ít khó khăn đối với công tác quản lý Nhà nước của lực lượng thực thi pháp luật nói chung và công tác đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng công an nhân dân (CAND) nói riêng. Công tác bảo vệ an ninh mạng là trách nhiệm chung của cả cộng đồng trong đó có liên quan mật thiết đến trách nhiệm của học viên CAND. Bài viết xin đề cập một số hoạt động của học viên CAND trong thời gian qua nhằm góp phần duy trì trật tự, kỷ cương, bảo vệ an ninh mạng một cách vững chắc.

Tại Khoản 2 Điều 2 Luật An ninh mạng định nghĩa: “Bảo vệ an ninh mạng là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng”. Công tác bảo vệ an ninh mạng luôn được Đảng, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mỗi người dân, cơ quan, tổ chức thật sự chủ động, trở thành các “trận tuyến” vững chắc trong công tác giữ gìn trật tự, kỷ cương trên không gian mạng. Đặc biệt đối với các trường CAND với tính chất là các tổ chức giáo dục và đào tạo, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết.



Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phát biểu tại Hội thảo và Triển lãm quốc tế về an toàn, an ninh mạng Việt Nam 2019 Ảnh: vietnamplus.vn

Các cơ sở đào tạo trong CAND từ khi ra đời đến nay, bên cạnh hoàn thành các nhiệm vụ chính trị mà Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an giao phó thì có một công tác luôn được quan tâm đúng mức, đó là góp phần nâng cao năng lực, hình thành bản lĩnh chính trị cho học viên. Luật An ninh mạng ra đời là tấm khiên vững chắc bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, dân tộc trên miền tác chiến không gian mạng. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ủy, Ban giám đốc các cơ sở giáo dục và đào tạo trong CAND và các thầy cô giáo tâm huyết đã xây dựng nên một đội ngũ học viên, đội ngũ sĩ quan CAND tương lai kiên định, vững vàng về chính trị, đồng thời có bản lĩnh, sự thông

minh, chủ động và nhạy bén trong công tác bảo vệ an ninh mạng. Sự ưu việt đó được thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

Một là, chủ động, kịp thời nghiên cứu, tìm hiểu về Luật An ninh mạng, nắm chắc nội dung và những quy định của Luật

Lực lượng CAND là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, là công cụ chuyên chính, sắc bén, tin cậy để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và nhân dân, thực hiện chức năng tham mưu chiến lược với Đảng, Nhà nước trong việc hoạch định chủ trương, đường lối, xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, các chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm...



Trong thời gian qua, lực lượng CAND đã hoàn thành tốt công tác tham mưu xây dựng, phổ biến và thi hành pháp luật, luôn coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của lực lượng CAND. Mọi cán bộ, chiến sĩ CAND luôn tích cực phấn đấu, rèn luyện không chỉ vững vàng về bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng mà còn chuyên sâu, tinh thông pháp luật, nghiệp vụ.

Học viên các trường CAND để trở thành những sỹ quan công an vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*”, có lý tưởng, đạo đức xã hội chủ nghĩa, vừa có bản lĩnh, vừa tinh thông pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ, trước hết cần nâng cao, củng cố nhận thức và tư duy, thực sự hiểu được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của pháp luật nói chung và pháp luật trong từng lĩnh vực cụ thể nói riêng.

Đối với Luật An ninh mạng, là đạo luật mới được Quốc hội Khóa XIV thông qua ngày 12/06/2018 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, nhận được sự quan tâm, góp ý của đông đảo quần chúng nhân dân và dư luận xã hội, do đó, học viên CAND cần nhận thức được vấn đề mang tính thời sự này và thấy được rõ trách nhiệm của bản thân.

Trước hết, cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu về ý nghĩa, tầm quan trọng của đạo luật này, nắm bắt được tinh thần của Luật, xác định sự cần thiết phải ban hành Luật An ninh mạng trong bối cảnh hiện nay. Tích cực nghiên cứu toàn văn Luật An ninh mạng để hiểu rõ về các quy định được nêu trong Luật, đồng thời thường xuyên cập nhật thông tin, tình hình trên các trang báo, tạp chí, chương trình thời sự để biết được các điều khoản trong Luật đang được đại biểu và cử tri thảo luận, góp ý, những điều khoản nào đã được sửa đổi, điều chỉnh, những điều khoản nào trong Luật có thể gây tranh cãi và trở thành mục tiêu cho các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc, bóp méo, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu Luật, cần đặc biệt lưu ý về những điều khoản có liên quan đến trách nhiệm của sinh viên như: các hành vi bị nghiêm cấm về không gian mạng quy định tại Điều 8,

trách nhiệm của lực lượng CAND, trách nhiệm của cá nhân khi sử dụng không gian mạng...

Do Luật An ninh mạng là đạo luật mới được ban hành nên các tài liệu tham khảo đều chưa được xuất bản chính thống. Bản thân mỗi học viên cần có sự định hướng, chọn lọc đúng đắn trong việc lựa chọn tài liệu nghiên cứu như các dự thảo Luật được Chính phủ ban hành, toàn văn Luật được Quốc hội thông qua, các bài báo, tạp chí của các cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng, Nhà nước ta, các chương trình thời sự... Tuyệt đối không tham khảo, ủng hộ hay chia sẻ các bài báo có nội dung xuyên tạc, làm sai lệch nội dung của Luật.

Hai là, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh mạng

Có thể khẳng định rằng: Xã hội văn minh là xã hội ở đó mọi công dân đều có tinh thần và ý thức thượng tôn pháp luật. Muốn đất nước ổn định và phát triển, cùng với nỗ lực của chính quyền, của mọi công dân, ngành nghề và đoàn thể thì ý thức tuân thủ pháp luật phải là một trong các yếu tố giữ vai trò chi phối, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản quyết định sự phát triển an toàn, lành mạnh của xã hội. Nếu cố tình đi ngược lại hoặc phá hoại các nguyên tắc đó là vô trách nhiệm đối với xã hội, con người. Chính vì vậy, để sử dụng và khai thác không gian mạng hiệu quả, bảo vệ an ninh mạng thì cần phải tuân thủ nghiêm những quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh mạng. Mỗi học viên CAND cần chủ động tìm tòi, học hỏi, nâng cao trình độ hiểu biết của mình về những quy định cụ thể của Đảng, Nhà nước và lực lượng CAND về chế độ sử dụng không gian mạng, mạng Internet, mạng xã hội trực tuyến và các phương tiện thông tin nghe nhìn. Đặc biệt, cần tuân thủ các quy định của Luật An ninh mạng và các văn bản của Đảng, Nhà nước và của Bộ Công an có liên quan như: Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về việc “*Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện*

đại hóa đất nước”; Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về “*Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng*”; Nghị định 55/2001/NĐ-CP ngày 23/08/2011 của Chính phủ về “*Quy chế tạm thời quản lý thiết lập, sử dụng mạng Internet*”; Quyết định số 27/2002/QĐ-BVHTT ngày 10/10/2002 của Bộ Văn hóa - Thông tin về “*Quy chế quản lý và cấp giấy phép cung cấp thông tin, thiết lập trang điện tử trên Internet*”; Quyết định số 92/2003/QĐ-BBCVT ngày 26/05/2003 của Bộ Bưu chính viễn thông về “*Quy định quản lý và sử dụng tài nguyên Internet*”; Quyết định số 71/2004/QĐ-BCA ngày 29/1/2004 của Bộ Công an quy định về “*Đảm bảo an toàn, an ninh trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet tại Việt Nam*”; Thông tư số 27/2017/TT-BCA ngày 22/8/2017 do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành “*Quy định về quy tắc ứng xử của CAND*”, trong đó có quy định về “*Ứng xử, giao tiếp qua điện thoại và các phương tiện điện tử khác*”. Sự hiểu biết đúng đắn là nền tảng cho hành động của mỗi học viên trong quá trình khai thác, sử dụng không gian mạng đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh mạng.

Ba là, kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến bảo vệ an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, lực lượng bảo vệ an ninh mạng

Việc cung cấp những thông tin liên quan đến nguy cơ đe dọa an ninh mạng, không gian mạng và các hành vi xâm phạm an ninh mạng cho các cơ quan có thẩm quyền là một việc làm có ý nghĩa quan trọng và đặc biệt cần thiết. Làm tốt công tác này sẽ giúp chúng ta phát triển, nâng cao nhận thức của bản thân về việc đấu tranh, chống lại những nguy cơ đe dọa và mối đe dọa từ không gian mạng. Đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh, ngăn



chặn, phòng ngừa tội phạm và các vi phạm pháp luật liên quan đến không gian mạng và an ninh mạng.

Bốn là, mỗi học viên cần phải sử dụng không gian mạng một cách có văn hóa, biết tiếp thu chọn lọc các thông tin đa chiều trên không gian mạng

Với độ phủ sóng ngày càng rộng rãi, không gian mạng đang dần trở thành kho thông tin khổng lồ của quần chúng nhân dân. Hằng ngày, có rất nhiều thông tin, sự kiện, dữ liệu đời sống được các cá nhân cập nhật liên tục trên các trang mạng, đồng thời, được đồng đảo quần chúng theo dõi và nắm bắt. Mọi “thành viên trên mạng xã hội” đều được xem là một nguồn tin. Có thể nói, mạng xã hội trực tuyến đang dần san phẳng mọi nhu cầu và kết nối, chia sẻ thông tin.

Khi tiếp nhận được những thông tin tiêu cực trong quá trình sử dụng không gian mạng, phải chủ động tìm kiếm từ các trang báo chí, thông tin chính thống để so sánh, đối chiếu. Nếu không xác định được nguồn gốc, động cơ, mục đích của thông tin, người chia sẻ thông tin cần bình tĩnh, thận trọng, tránh phát ngôn và phát tán thông tin. Ngoài ra, cần xây dựng cho bản thân thái độ tích cực luôn tìm kiếm, chia sẻ thông tin hay, bổ ích, hạn chế tìm đọc các thông tin tiêu cực, không rõ nguồn gốc. Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng, mạch lạc khi tương tác với các chủ thể khác thông qua Internet nói chung và mạng xã hội nói riêng. Cần nghiên cứu, thẩm định thông tin kỹ lưỡng trước khi bày tỏ quan điểm cá nhân trên mạng Internet, tích cực chia sẻ những thông tin có hiệu ứng tích cực, lan tỏa các phong trào tiến bộ, nhân văn; tuyệt đối không tham gia các diễn đàn, blog có nội dung xấu, lệch chuẩn, thông tin không có độ tin cậy, tuyệt đối không cổ súy cho những hành động xấu, không có văn hóa được đăng tải trên các trang mạng Internet.

Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ như hiện nay, bản thân mỗi học viên CAND phải thường xuyên tu

dưỡng lối sống đạo đức, biết phân biệt giữa “thế giới ảo” với “thế giới thực” để đưa ra hành vi ứng xử phù hợp. Phải có lập trường và chính kiến, chủ động nhận diện, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, phản động và những thông tin xấu, độc trên mạng xã hội; thể hiện chuẩn mực, tư cách của người cán bộ, chiến sĩ CAND trong cuộc sống hằng ngày và trên cả mạng xã hội; phải tự răn mình và điều chỉnh bản thân qua các hoạt động trên môi trường Internet. Đây cũng là cách giúp thực hiện tốt 19 điều đảng viên không được làm theo Quy định 47-QĐ/TW của Trung ương.

Năm là, tích cực chủ động đấu tranh chống các quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch trong quá trình sử dụng không gian mạng

Thời gian qua, các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động chống phá trên mặt trận tư tưởng, chúng liên tiếp cấu kết, móc nối với các đối tượng phản động ở cả trong và ngoài nước tăng cường hoạt động phá hoại sự nghiệp cách mạng của dân tộc với âm mưu, thủ đoạn hết sức tinh vi, nham hiểm, xảo quyệt. Một trong những thủ đoạn mà chúng ưu tiên sử dụng trong thời gian gần đây đó là lợi dụng sự phát triển của mạng xã hội để tuyên truyền chống Đảng, Nhà nước. Đáng chú ý, lực lượng CAND qua công tác đấu tranh đã phát hiện các thế lực thù địch và bọn tội phạm đã và đang tiến hành những chiến dịch tuyên truyền chống phá với trọng tâm là bôi nhọ, hạ uy tín các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước có cường độ cao, biên độ rộng, trong khoảng thời gian dài.

Trong quá trình sử dụng Internet, phải nhận diện rõ được các âm mưu, thủ đoạn phát tán thông tin sai trái, phản động cũng như các đối tượng, cá nhân, tổ chức chống phá Đảng, Nhà nước ta. Từ đó, chủ động tham gia tuyên truyền, bảo vệ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đính chính, giải thích các nguồn tin sai lệch, tạo chiều hướng dư luận tích cực trong quần chúng nhân dân. Mỗi học viên có thể trực tiếp tham gia đấu tranh phản bác quan điểm, luận điệu sai trái của

các thế lực thù địch trên không gian mạng dưới nhiều hình thức tham gia viết bài, bình luận (comment) phê phán các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, đính chính các thông tin không xác thực, phản biện, tranh luận trên các diễn đàn, blog của các thế lực thù địch, chia sẻ những nguồn thông tin chính thống, tích cực từ đó tạo luồng dư luận đúng đắn, tích cực, hướng lái quần chúng nhân dân tin tưởng, bảo vệ các quan điểm của Đảng, Nhà nước, bảo vệ chế độ. Tuy nhiên, việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của mỗi cá nhân học viên trên mạng xã hội cần đảm bảo tính chuẩn mực, bảo đảm tính đúng đắn, chính xác của chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tuân thủ đúng pháp luật, không vi phạm các quy định của lực lượng CAND.

Sáu là, tích cực tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến Luật An ninh mạng

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật có vai trò rất quan trọng, là cầu nối để đưa các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mọi tầng lớp nhân dân, đi vào thực tiễn cuộc sống một cách hiệu quả. Đối với lực lượng CAND, công tác quán triệt, phổ biến chính sách, pháp luật cũng mang ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao phó. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên trong tổ chức thi hành pháp luật, là cầu nối để đưa pháp luật vào đời sống xã hội, góp phần không nhỏ trong việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Việc tăng cường thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong CAND đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ CAND về nhiệm vụ, trách nhiệm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và khuyến khích, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đây là trách nhiệm, nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng không chỉ của đội ngũ cán bộ chuyên trách mà của mọi



cán bộ, chiến sĩ CAND. Do đó, học viên các trường CAND phải luôn tích cực, hăng hái tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật, hướng dẫn, phổ biến các quy định, chính sách đến mọi tầng lớp nhân dân.

Luật An ninh mạng là đạo luật mới được Quốc hội thông qua, do đó, càng cần phải chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn một cách kịp thời, phù hợp và chính xác. Học viên CAND cần nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân trong công tác tuyên truyền sâu rộng luật này, đó là:

- Tham gia các buổi xemina thảo luận để tranh luận, trao đổi, bàn bạc thẳng thắn về các nội dung, quy định nêu trong Luật, từ đó làm rõ, hiểu đúng, hiểu sâu, thống nhất nhận thức và hành động;

- Nhiệt tình, sáng tạo trong tham gia các cuộc thi, hội thi, các hoạt động tìm hiểu về pháp luật nói chung và Luật An ninh mạng nói riêng, hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam được lực lượng CAND tổ chức hàng năm;

- Tham gia tuyên truyền, phổ biến Luật An ninh mạng ở địa phương nơi cư trú, đặc biệt đối với người thân trong gia đình thông qua các hình thức, phương pháp phù hợp để từng bước nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho nhân dân, góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn;

- Chú trọng tuyên truyền, làm rõ, giải thích kỹ những nội dung đang bị các thế lực thù địch xuyên tạc sai trái như: Quy định về doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải lưu trữ tại Việt Nam trong thời gian theo quy định của Chính phủ; doanh nghiệp nước ngoài phải đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại Điều 26 Luật An ninh mạng;

- Trong tuyên truyền Luật An ninh mạng cần lựa chọn, đa dạng các hình thức và phương pháp phù hợp với từng loại đối tượng để mang lại hiệu quả cao nhất.

Tóm lại, việc triển khai, thực hiện và thi hành Luật An ninh mạng là trách nhiệm đặt ra đối với toàn hệ thống chính trị, bao gồm tất cả các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan. Để Luật An ninh mạng thực sự có hiệu quả và đi vào đời sống thì việc nêu cao vai trò trách nhiệm của mỗi cá nhân là cực kỳ quan trọng. Là những sỹ quan công an tương lai, bản thân mỗi học viên CAND ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần có sự nhận thức toàn diện, đầy đủ và chính xác về Luật An ninh mạng, về các hành vi bị nghiêm cấm, về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và đặc biệt thể hiện được sự chuẩn mực trong mọi hành vi, phát ngôn trên không gian mạng, tuyệt đối chấp hành các quy định của Luật, góp phần đảm bảo sự an toàn, lành mạnh của không gian mạng Việt Nam./

Bông dưng

Bông dưng gió tự nơi nào
Lang thang ập đến làm xao xuyên lòng

Bông dưng một dải mây hồng
Lâng lâng khát vọng bèo bồng bay theo

Bông dưng trời ngả bóng chiều
Bâng khuâng nghe tiếng sáo diều, què ơi!

Bông dưng ai đó triển đê?
Nhớ ai tay nắm, lời thề gió bay

Bông dưng em trở về đây
Dường như chén cạn lại đầy như xưa

Bông dưng chợt tỉnh giấc mơ
Em về trong mộng thẩn thờ buồn tênh

Bông dưng thấy biển mông mênh
Như con thuyền nhỏ lênh đênh giữa trời

Bông dưng hỡi! Bông dưng ơi!
Cho Thơ lạc vận, cho đời... bông dưng...

Đào Hạnh



Ảnh: Trần Chính



Mỗi nhớ tháng

Trong cuộc đời mỗi người đều có những ký ức, hoài niệm ngọt ngào, thậm chí da diết khôn nguôi khi nhớ lại. Với tôi, niềm thương nhớ đó được gọi tên rất đỗi nhẹ nhàng: “Nỗi nhớ Tháng Ba”.

Tháng Ba, ấy là khi tiết trời vẫn trong lành mát mẻ, chưa có cái nắng gắt của mùa Hạ, chưa có cái se lạnh của mùa Thu và cũng chưa có cái lạnh tái tê của mùa Đông. Bức tranh thiên nhiên được tháng Ba vẽ ra vô cùng đặc sắc và ấn tượng. Muôn loài cây đều khoác trên mình chiếc áo màu xanh biếc, mơn mớn, từ phượng vĩ, bằng lăng đến tán bàng như bàn tay khổng lồ xòe ra đỡ lấy khoảng trời mệnh mang. Điểm vào bức tranh ấy là dòng sông tuổi thơ trong veo hiền hòa.

Ở quê tôi, vùng đồng bằng sông Hồng, mỗi buổi sớm mai của tháng Ba trong trẻo

đến nỗi dường như có thể cảm nhận được tiếng rơi của giọt sương đọng trên từng kẽ lá. Mỗi ngày mới đều bắt đầu bởi tiếng gà gáy sớm, tiếng vịt kêu cạc cạc hoặc tiếng lợn ụt ịt đòi ăn... Rồi mọi người thức dậy, bắt đầu một ngày mới với những công việc quen thuộc: Trẻ con í ới rủ nhau đi học thành từng tốp chuyện trò ríu rít, người nông dân ra đồng, các cụ già qua nhà nhau hàn huyên hoặc trông cháu nhỏ... Những âm thanh, hình ảnh đó thật bình dị, song lại không thể nào quên đối với một người con xa quê mỗi khi nhớ về.

Tôi vẫn nhớ, tháng Ba, khi ấy tôi đang là cô học trò lớp 3, được đi học ở ngôi trường lớn có rất nhiều anh chị chứ không như hồi lớp 1, lớp 2 là học ngay ở làng. Lớp 3, lũ trẻ con trong làng được tự đi bộ gần hai cây số đến trường. Quãng đường ấy tuy chẳng dài nhưng với những đứa trẻ thuộc thế hệ 8X như chúng tôi lại trở nên dài hơn

bao giờ hết bởi nó chứa biết bao kỷ niệm. Sau khi ăn cơm sáng xong, mỗi đứa một cái cặp sách trên vai í ới gọi nhau đi học. Từ nhà đến trường, chúng tôi men theo con đường đất nhỏ ra bờ đê vì trường chúng tôi học ở bên kia sông, còn phải đi qua một cây cầu nữa. Ấn tượng nhất của tôi là thảm cỏ xanh dài bất tận hai bên đường đi học, vào tháng Ba nó lại càng xanh mượt hơn bao giờ hết. Tôi vẫn nhớ như in cái cảm giác được xách dép, đi chân trần trên thảm cỏ dày như nhung ấy. Những tháng Ba sau nữa trong thời thơ ấu của tôi cũng vẫn diễn ra như thế, vẫn thảm cỏ xanh mượt hai bên triền đê, có điều mấy năm sau chúng tôi được bố mẹ mua cho xe đạp để đi học.

Hồi ấy, chúng tôi chỉ học có một buổi sáng, buổi chiều được nghỉ. Vậy là lũ trẻ con trong làng lại được đi chăn bò, cắt cỏ, quét lá. Với người lớn đó là công việc còn với lũ trẻ con chúng tôi là cả một buổi chiều



Ba

được vui chơi thỏa thích. Bởi khi thả bò cho chúng nhẩn nha gặm cỏ trên triền đê, thì chúng tôi tha hồ tùm tùm lại chơi ô quan, chơi đánh đáo, chơi khăng... thậm chí nướng khoai ngay trên đê đê làng.

Tháng Ba, nhớ nhất vẫn là hoa gạo, hoa xoan, hoa bưởi, hoa chanh. Những câu trong bài thơ “Nhớ mùa hoa gạo” của tác giả Đào Mạnh Thanh dường như đã nói hộ lòng tôi:

“Tháng Ba về hong nắng vàng rực rỡ

Cây gạo ven đường hoa đỏ lên ngôi

Hương bưởi xưa bao quyến luyến bồi hồi

Hoa xoan tím lặc trôi miền nhung nhớ”

Quê tôi, có lẽ đầu làng nào cũng có một cây hoa gạo, dường như nó là đặc trưng của các làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tôi vẫn nhớ như in những ngày tháng Ba, từ xa đã nhìn thấy cây gạo nở hoa đỏ

rực một góc trời, ngay đầu cây cầu trên đường đi học về. Lũ trẻ con chúng tôi thích thú chạy lại thi nhau nhặt những bông hoa rụng năm cánh đỏ rực to hơn bàn tay về nhà chơi. Ngày nào cũng như vậy, cho đến khi cây gạo rụng hết hoa nhưng thú vui nhỏ nhoi ấy không hề nhàm chán.

Tháng Ba, cũng là lúc những cánh đồng lúa bát ngát, thẳng cánh cò bay quê tôi dần bước vào thời con gái. Từ trên bờ đê nhìn xuống chỉ thấy một màu xanh mát, xa xa là lũy tre làng. Thi thoảng có thể bắt gặp một đàn cò từ đầu bay đến trú ngụ trắng một góc cánh đồng.

Bây giờ cũng đang là tháng Ba, vẫn làng quê ấy, cánh đồng ấy, triền đê ấy và ngôi trường ấy, nhưng nhiều thứ đã đổi thay. Người làng tôi đi làm ở các công ty, xưởng may nhiều hơn là đi làm đồng, trẻ con thì mỗi đứa một chiếc xe đạp đến trường, mọi con đường đều đã được đổ bê tông hoặc trải

nhựa... Chỉ có cây gạo ở đầu cầu hay đầu làng thì vẫn còn đó, nhắc nhớ tiết trời đang giữa tháng Ba.

Tháng Ba năm nay lại càng đáng nhớ hơn vì để phòng, chống dịch bệnh lây lan, các trường đại học, cao đẳng, các cấp học đã phải cho học sinh, sinh viên nghỉ học; quê tôi cũng không phải trường hợp ngoại lệ. Tháng Ba đẹp, bình yên và thơ mộng là thế, mà học sinh không được đến trường, hạn chế đến nơi đông người...

Vì thế, tôi chỉ có một ước muốn nhỏ nhoi, đó là nhanh hết dịch bệnh để trẻ con được đi học trở lại, được vui đùa thỏa thích dưới tán bàng, tán phượng vĩ hay bằng lăng mỗi giờ ra chơi, được hít thở không khí trong lành, dịu nhẹ của tháng Ba./.

Minh Trang



VỀ THƯƠNG HOA GẠO...

Thời gian vẫn không ngừng luân chuyển, mỗi tháng Ba về, trong tâm trí tôi lại miên man sắc đỏ hoa gạo. Dường như loài hoa ấy đã dành trọn lòng mình cho tháng Ba. Sắc đỏ rạo rực, thắm đẫm, khát cháy một niềm riêng mãnh liệt, phủ lên tháng Ba những vụn nguyên ký ức. Hoa gạo đỏ nồng nàn như lời thề hẹn ngày xưa vẫn còn dang dở, như lòng dạ thủy chung son sắt mưa nắng không phai nhòa. Bóng cây lặng thẳm một khung trời thương nhớ, neo lại trong ánh nhìn nổi quay quắt khôn người...

Những giấc mơ da diết màu hoa gạo như thôi thúc bước chân tôi tìm về xóm làng yên ả. Cây gạo qua bao tháng ngày vẫn sừng sững, cao lớn riêng một góc trời dưới chân núi thênh thang, để những tâm hồn mơ mộng như tôi chiều chiều lại ra hiên sau mà gửi những xuyên xao, hoài vọng về nơi ấy. Ở phía chân trời khắc khoải màu hoa gạo, thời gian dường như ngưng đọng giữa khoảnh khắc của những nỗi buồn mông lung. Lòng người bất chợt chơi vơi, bất chợt hoang hoải đau đáu về những bóng hình từng gắn bó, thân thuộc đã mãi xa trong cuộc đời.

Giữa mùa hoa đang nồng nhiệt hiển dâng tất cả vẻ đẹp vốn có của mình, tôi vẫn cảm nhận được nỗi niềm tiếc nhớ, đơn độc đang lẩn khuất đâu đó sau bao cánh hoa mong manh. Có lẽ hoa gọi về kỷ niệm mỗi

tình đầu, về nụ hôn dưới trăng vụng dại, về một thuở rạo rực, khao khát niềm yêu như màu đỏ tha thiết ấy. Hoa làm ánh mắt ai thổn thức rưng rưng khi tắt cả những dấu yêu ngày cũ bỗng ùa về trước mặt. Dường như hoa cũng thắm biết rằng rồi tháng Ba sẽ qua, rồi thời gian sẽ trôi xa hun hút, nên trọn lòng nhen nhóm, chất chiu dòng nhựa sống để bung mình đỏ thắm giữa trời xanh. Từng chùm hoa tựa đóm lửa nhỏ ai khéo thấp lên trời, khiến lòng dạ tôi lại bồi hồi nhớ về bà, về mẹ, những người phụ nữ quanh năm tần tảo bên bếp lửa, nhóm lên hơi ấm yêu thương vỗ về.

Ngày nhỏ, tôi thường hướng ánh nhìn về phía chân núi và nôn nao đợi mùa hoa gạo. “Bao giờ cho đến tháng Ba/Hoa gạo rụng xuống bà già cắt chăn”. Tôi nhớ bà tôi mỗi khi nhìn thấy cây gạo lại vừa móm mém nhai trầu, vừa thắm thì nhắc lại câu ca dao ấy. Nó gieo vào tâm hồn thơ bé của tôi một nỗi ngóng trông, đợi chờ hoa gạo bung nở mang nắng ấm trở về, cái rét sẽ lùi xa. Mùa hoa gạo về như ngầm báo hiệu những cơn mưa lạnh lẽo, những cơn gió rét run đã đi rồi, như thắm gọi bầy chim bay về riu ràn lạnh lốt, nắng phóng khoáng rót tràn đồng quê. Hoa gạo nở vào cuối xuân, cũng là loài hoa khép lại cánh cửa mùa xuân với vô vàn hương sắc. Nên hoa đã tận hiến, đã nồng nhiệt dồn tất cả những kiệt cùng vào sắc đỏ đượm nồng. Để rồi hoa lặng lẽ in đậm vào tiềm thức những ai trót phải lòng với màu đỏ sắt son, dịu vợi nỗi niềm thắm kín.

Tôi về ngồi dưới tán cây thuở nào, để hoa theo gió nhẹ nhàng đậu xuống đôi vai, khẽ nhạt những cánh hoa rơi mà thương hoa nao lòng. Tôi thương những ngày hồn nhiên kết hoa thành vòng đội đầu, những lần ngây ngô cài hoa lên tóc người con gái quê duyên dáng năm xưa. Thương cái tên “gạo” nghe giản dị, gần gũi, thân quen từng ngày, gọi lên bao ngọt bùi chất chiu từ nắng mưa khó nhọc. Cây hoa gạo vươn mình hiên ngang, ngả bóng xuống mênh mông những thửa ruộng xanh êm ả, dòng kênh uốn quanh có cây cầu nhỏ gập ghềnh. “Bao giờ đom đóm bay ra/Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng”. Hoa gạo gắn liền với những vụ mùa mới, với nhà nông bốn mùa chân lấm tay bùn, với dáng hình một đời sương gió của cha mẹ.

Lại một mùa hoa gạo về gọi bao hoài niệm yên bình. Cây gạo ngày xưa vẫn lặng thắm đứng đó, với những mùa hoa tận cùng rực cháy mặc cho những đổi dời. Để mỗi tháng Ba về có ai đứng ngẩn ngơ giữa phố lạ mà lòng chênh chao nhớ một loài hoa da diết. Loài hoa sinh ra đã gắn trọn đời mình sự tận tâm hiến dâng cho đời đến khi lụi tàn, với những báo hiệu của âm áp, an vui, của niềm hy vọng một vụ mùa sung túc. Mà hoa vẫn giữ cho riêng mình những nỗi buồn kín đáo, những khoảng lặng mơ hồ. Để mỗi một mùa hoa đi qua lại để lại dư âm thổn thức, sắc hoa vẫn thắm mãi trong lòng người bằng khuâng...

Trần Văn Thiên



Thả con chim câu về rừng

 Truyện ngắn của **Ma Văn Kháng**

Chíp chíp... chiu. Chíp chíp... chiu!

Nhạc chim rộn rã tung bừng từ lúc bình minh mới hé ở chân mây, bầy chim ở ngõ phố này có thói quen dậy sớm lắm. Thức dậy sớm nhất là con Hoạ Mi của ông Lương. Từ quăng bốn giờ sáng nó đã cất tiếng vàng, tiếng bạc và đất trời nhờ khúc luyện láy ngọt ngào của nó mà sớm rữ ra khỏi cơn ngái ngủ ủ ê. Tiếp theo con Hoạ Mi, con Bách Thanh nhà bà Tần, tiếng thanh trong thánh thót vang xa. Rồi sau đó là con Khiếu mun nhà cụ Mai có tài bắt chước đủ các giọng điệu, từ tiếng chuông điện thoại tới giọng mèo kêu, chó sủa...

Tiếng chim sớm mai là dàn nhạc giao hưởng của đủ các loại nhạc cụ, các bè trầm bổng. Trong khi con Sáo nhà ông Tôn líu lo thì con Yến nhà chú Bảo cất giọng non nỉ. Con Chích Chòe nhà cô Hoa ríu rít thì con Vẹt nhà cụ Thúy tiếng khàn rè và con Chào Mào nhà bác Thu giọng lại líu ta líu tít. Mỗi con một vóc hình, một sắc màu, mà sắc màu, vóc hình nào cũng ưa nhìn, cũng đẹp. Nho nhỏ là chim Yên lông xanh pha vàng mượt mà. Nhỏ nữa là chim Khuyên mắt hai vành, xanh màu lá mạ. To nhất đám, lông màu hồng như mây trời lúc rạng đông là chim Câu. Chào Mào dựng bờm trên chóp. Sáo đen kẻ vạch trắng hai bên cánh. Hoạ Mi dáng quả vả, mắt như có ánh lửa và cặp chân như của vũ nữ, chẳng khi nào chịu ở yên.

Toàn là loại ca sĩ trứ danh. Tất cả đều có thể xếp hạng đẳng cấp ngôi sao trên sân khấu ca nhạc, biểu diễn theo cảm hứng xuất thần, không thù lao, lương bổng.



Một sáng thức giấc trong tiếng hót của bầy chim, Hiệp thấy người sáng khoái, vui vẻ vô cùng.

Tiếng chim là nhạc điệu khi em rửa mặt, ăn sáng, ôn lại bài, sửa soạn sách vở và lên xe để mẹ đèo tới trường.

- Mẹ ơi, bây giờ con học lớp 5 rồi, con tự đi học được rồi không phải mẹ đèo xe nữa. Nhưng con phải đi học từ sớm, không kịp ăn sáng ở nhà, mẹ cho con tiền để con đến trường mua ăn nhé!

- Được rồi! Thế con cần bao nhiêu tiền mỗi sáng?

- Chỉ năm ngàn thôi mẹ ạ.

- Năm ngàn thì ít quá.

- Các bạn con đều thế cả mẹ ạ.

- Thôi, mẹ cho con bảy ngàn. Phải ăn no thì mới đủ sức khỏe học cả buổi sáng con à.

- Con cảm ơn mẹ!

Một tháng trôi qua. Ba tháng trôi qua. Mỗi ngày mẹ cho bảy ngàn. Nhưng Hiệp giống các bạn, chỉ ăn có năm ngàn thôi. Như vậy mỗi ngày em dư ra hai ngàn. Ba tháng 90 ngày, tổng cộng em để dành được 180 ngàn đồng.

180 ngàn đồng! Hiệp tính rồi. Hiệp đã được nghe đàn chim trong khu phố hót mỗi sớm mai. Đã lớn rồi, Hiệp hiểu, ở đời, mình đã được hưởng điều tốt đẹp gì thì mình phải đền đáp lại. Giờ, Hiệp phải góp một tiếng chim vào bản nhạc chim ngoài kia. Hiệp sẽ mua hai con Vẹt. Một con lông màu lá mạ. Một con màu xanh thanh thiên. Mỗi con 75 ngàn. Như vậy hết 150 ngàn. Còn 30 ngàn, vừa đủ mua cái lồng và một gói hạt kê cho Vẹt ăn một tuần.



Hiệp vui lắm. Vì như thế Hiệp sẽ còn làm mẹ bất ngờ nữa cơ!

Vậy là sáng nay, mới sớm ra, Hiệp đã chạy ra phố để thực hiện cái ý định của mình. Ngày chủ nhật, đường phố tấp nập đông vui quá. Nào là đủ các loại hàng quán, hàng ăn. Bún, bánh, xôi, cháo, giò chả... những món ăn bình dân với tíu tít lời mời chào và tất nhiên là Hiệp chẳng hề quan tâm. Hiển nhiên là Hiệp cũng chẳng để ý đến cạnh đó là những người buôn thúng bán bưng rau củ, thực phẩm, các quầy sạp sách báo, vé số, sửa chữa xe máy, xe đạp, photocopy, quần áo hàng thùng... Vì đích đến của Hiệp là cửa hàng bán chim của ông Nghinh ở đầu con phố Nguyễn Đình Chiểu kia. Ồi, đó là một thế giới chim. Hàng chục chiếc lồng, đủ kiểu cách. To như cái chuồng. Nhỏ xinh như cái ấm giở. Cái hình trụ, cái hình nón, cái hình quả hồng. Còn chim thì đủ các giống loài. Con to, như con quạ. Con nhỏ như chim sâu. Con hót tích tích. Con hót véo von. Riêng về màu sắc thì nhìn vào lần nào Hiệp cũng phải hoa mắt. Chà!

Nhưng lúc này, Hiệp bỗng dừng bước vì nghe thấy một âm thanh rất lạ tai. Một tiếng chim, đúng là một tiếng chim, nhưng nghe lạ lắm. Nói cho chính xác thì đó là một tiếng chim trầm ấm bày tỏ nỗi lòng vừa thiết tha vừa cô đơn.

Đứng lại, Hiệp nhận ra, ngồi bên cửa siêu thị nọ là một ông lão người Tây Nguyên. Miệng ngậm một chiếc tẩu sừng. Ông đang phập phề thổi khói. Quanh ông, la liệt các gói bọc, thúng to, mẹt nhỏ. Toàn là thân cây, rễ cây, lá cây, củ rừng.

- Em nhỏ à. Em có muốn mua gì của ông lão không? Ông lão có nhiều loại thuốc quý từ cây củ rừng đó.

Hiệp lác lác đầu và thấy Hiệp nhìn chăm chăm vào cái lồng chim đặt cạnh mình, ông lão liền cười hờ hờ:

- Em nhỏ thích con chim này à?

Thì ra lúc này Hiệp dừng lại chính là vì nghe thấy tiếng kêu của con chim này. Con

chim đẹp quá! Thân mình hình củ đậu. Đuôi thất. Chân ngắn, mập, vẩy đóng chữ nhân. Lông tướng hai bên mép trắng như cước. Mặt đỏ, vành lớn. Hai vây cánh dày. Và đặc biệt cổ nó đeo một chuỗi vòng cườm xin xít. Chỉ trông bề ngoài tướng mạo thần thái đã thấy nó vừa chân mộc vừa duyên dáng cao sang rồi. Nhưng tiếc thay con chim lại bị nhốt trong cái lồng quá chật hẹp. Lồng đan bằng dây thép, nhang nhác hình củ hành, theo kiểu thượng thu hạ thách. Đáy lồng tròn, nhỏ chỉ bằng cái khay nước, thót dần lên, tính ra chiều cao từ đáy lên tới đỉnh chỉ nhỉnh hơn gang tay tí chút. Đã thế nóc lồng lại phủ một mảnh ni lông và úp xụp một cái nón cũ. Thành ra nhìn ngang thì chỉ thấy đôi chân và cái chóp đuôi của con chim thôi. Và như vậy thì con chim cu có giọng hót trầm ấm có khác gì một tù nhân bị giam hãm trong một xà lim chật chội, ngột ngạt. Nó chỉ có thể lậm dậm đôi bàn chân nhỏ xíu và quay ngang quay ngược gọi là, đến một khoảng không vừa đủ vỗ nhíp đôi cánh cho đỡ mỏi cũng còn khó nữa là nhảy nhót, bay liệng! Và bây giờ nghe tiếng hót của nó, Hiệp mới nhận ra, đó là tiếng lòng thổn thức của một kẻ cô độc bị giam hãm tù đầy, bị ly cách đồng loại. Những âm thanh phát ra từ cổ họng nó chỉ là kết quả của một cuộc đọ đày, hành xác, tuyệt đối không phải là tiếng hót tự nhiên của con chim được bay lượn dưới trời xanh, trên đồng ruộng, đó không phải là tiếng ca cất lên từ cuộc sống tự do vui vẻ với bầy đàn.

- Cháu muốn mua con chim này. Hiệp nói.

Ông lão hấp háy hai con mắt:

- Nó là chim Câu. Cháu muốn mua nó à? Nhưng mà đắt đấy!

- Cháu có tiền mà.

Quên hẳn việc đi mua hai con Vẹt, Hiệp rút số tiền trong túi ra. Thoáng chút ngỡ ngàng, nhưng ngay lập tức ông lão Tây Nguyên vui vẻ nhận số tiền của Hiệp và trao chiếc lồng cùng con chim cho em.

Nhưng vừa cúi xuống cất số tiền 180 ngàn vào túi, ông lão bỗng ngẩng lên, bắt thần kêu khe khe:

- Kia, cháu bé. Cháu làm gì thế? Cẩn thận không nó bay mất.

Hiệp làm gì khiến ông hốt hoảng như thế? Thì ra Hiệp đang đưa tay mở cái cửa lồng. Và khi thấy con chim Câu đã thò hẳn nửa thân mình ra khỏi cánh cửa lồng đang mở toang thì ông lão đứng phắt dậy, hốt hoảng la to:

Ồi, con chim nó bay, nó bay...

Đúng là Hiệp đã mở cửa lồng cho con chim Câu lọt hẳn ra ngoài, và ngay lập tức, nó nhún chân, vỗ cánh. Đột ngột quá! Vỗ đôi cánh quạt gió phành phạch, con chim Câu cất mình bay lên. Chính nó cũng bị bắt ngờ! Sao lại có cuộc vượt ngục nhẹ nhõm và nhanh chóng đến thế! Rướn mình nâng toàn thân lên cao, nó nhìn xuống. Phở xá vẫn cứ nhộn nhịp. Mãi làm ăn buôn bán, chẳng ai biết đến nó vừa được giải thoát khỏi một cuộc giam hãm. Để từ đây, nó sẽ trở về rừng, trở về với đồng loại. Ngoái nhìn xuống, nó thấy Hiệp, ân nhân của nó, đang ngược lên nhìn mình, mắt lấp lánh ánh cười. Dang đôi cánh, nó lượn một vòng bày tỏ niềm tri ân với Hiệp. Lần này nó nhìn thấy Hiệp đang cúi xuống nhìn ông lão Tây Nguyên.

Ông lão nói lập bập :

- Không phải tại ông đấy chứ?

Hiệp gật đầu:

- Dạ, không phải tại ông ạ. Tự tay cháu thả con chim đấy. Cháu thấy nó tội nghiệp quá. Cháu thương nó, ông à.

Chiều ấy về nhà, mẹ hỏi: Lúc sáng con ra phố làm gì thế? Hiệp đáp: Con định đi mua đôi Vẹt, nhưng thôi để hôm khác mẹ ạ. Còn mẹ thì đứng ngẩn tự hỏi, không hiểu Hiệp mua Vẹt làm gì và lấy tiền đâu mà mua Vẹt. Hiệp đã lớn, em luôn là người gây bất ngờ cho mẹ...



NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2020/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC



Ngày 15/11/2018, Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 6. Ngoại trừ một số quy định về lập, thẩm định, ban hành danh mục bí mật Nhà nước, thời hạn bảo vệ, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước có hiệu lực từ 01/01/2019, các quy định khác của Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2020. Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước được xây dựng trên cơ sở kế thừa những quy định còn nguyên giá trị của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2000 và bổ sung những quy định mới phù hợp với thực tiễn bảo vệ bí mật Nhà nước trong tình hình hiện nay.

Nhằm hướng dẫn việc triển khai thi hành các quy định của Luật, ngày 28/2/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước (Nghị định 26). Nghị định gồm 9 điều

với các nội dung cụ thể về xác định bí mật Nhà nước và độ mật của bí mật Nhà nước; sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước; giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước; mang tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; địa điểm tổ chức, phương án bảo vệ và sử dụng các phương tiện, thiết bị tại hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước; chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước và phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước.

Về xác định bí mật Nhà nước và độ mật của Nhà nước, tại Điều 2 của Nghị định quy định rõ, người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước phải đề xuất người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật Nhà nước, độ mật của bí mật Nhà nước, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước và có trách nhiệm bảo vệ nội dung bí mật Nhà nước trong quá trình soạn thảo,

tạo ra. Trường hợp tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật Nhà nước, người tiếp nhận phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức và chuyển đến đơn vị có chức năng xử lý. Đối với người được giao xử lý thông tin phải đề xuất người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật Nhà nước, độ mật của bí mật Nhà nước và có trách nhiệm bảo vệ trong quá trình tiếp nhận và xử lý.

Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước theo quy định tại Điều 3 của Nghị định được thực hiện dưới 3 hình thức là: Sao y bản chính, sao lục và trích sao. Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước phải tiến hành tại địa điểm bảo đảm an toàn do người đứng đầu của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật Nhà nước quy định. Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước không được kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ



trường hợp thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu. Chỉ sao, chụp đúng số bản cho phép, đối với các bản sao, chụp dư thừa, hư hỏng phải tiêu hủy ngay.

Nghị định cũng nêu rõ, mẫu dấu sao, chụp bí mật Nhà nước; mẫu văn bản ghi nhận việc chụp bí mật Nhà nước; mẫu sổ quản lý sao, chụp bí mật Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Về giao, nhận tài liệu chứa bí mật Nhà nước, Nghị định quy định, việc giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước phải được đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật Nhà nước đi”. Nơi gửi và nơi nhận tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước phải đối chiếu về số lượng, kiểm tra việc đóng bì, đóng gói tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước. Trường hợp phát hiện thiếu số lượng, sai sót trong đóng bì, đóng gói thì nơi nhận yêu cầu nơi gửi bổ sung, xử lý trước khi vào sổ theo dõi và ký nhận.

Để tránh lộ, lọt thông tin, đối với việc mang tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước, nước ngoài, người được giao thực hiện công vụ phải có văn bản xin phép người có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước và có trách nhiệm bảo vệ trong thời gian mang ra khỏi nơi lưu giữ. Tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước mang ra khỏi nơi lưu giữ phải chứa, đựng, vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật Nhà nước quy định. Khi kết thúc nhiệm vụ, phải báo cáo người có thẩm quyền về việc quản lý, sử dụng bí mật Nhà nước và nộp lại cơ quan, tổ chức.

Về địa điểm, phương án bảo vệ tại hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước, Điều 6 Nghị định quy định, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước được tổ chức trong phòng họp kín tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức.

Đối với hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước độ tuyệt mật, phải bố trí lực lượng canh gác, bảo vệ bên ngoài; có biện pháp kiểm tra an ninh, an toàn đối với người tham dự, dự kiến các tình huống phức tạp có thể xảy ra ảnh hưởng đến an ninh, an toàn trong quá trình tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp và phương án giải quyết, xử lý. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật Nhà nước tổ chức từ hai ngày trở lên phải niêm phong phòng họp sau mỗi ngày tổ chức.

Đối với chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước, Điều 8 Nghị định quy định: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức như: Văn phòng Trung ương và ban Đảng; cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao; Kiểm toán Nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trong phạm vi quản lý gửi Bộ Công an để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo thời hạn tổng kết 5 năm 1 lần; báo cáo sơ kết 1 năm một lần và báo cáo đột xuất. Nội dung của báo cáo về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước bao gồm: Phân tích, đánh giá tình hình liên quan đến công tác bảo vệ bí mật Nhà nước; kết quả thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước; ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, thực hiện; tình hình, số liệu các vụ lộ, mất bí mật Nhà nước; nguyên nhân và việc xử lý, khắc phục hậu quả; dự báo tình hình; dự kiến công tác trọng tâm bảo vệ bí mật Nhà nước và đề xuất, kiến nghị.

Về người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước tại Điều 7 của Nghị định quy định, phải đáp ứng các tiêu chuẩn: (1) Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ tiêu chuẩn chính trị, có kiến thức pháp luật và chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ bí mật Nhà nước,

nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; (2) Có trách nhiệm giữ gìn bí mật Nhà nước; phục tùng sự phân công, điều động của cơ quan, tổ chức và thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao.

Việc phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nước được thực hiện cụ thể:

- Văn phòng Trung ương và ban Đảng; cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao; Kiểm toán Nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phân công người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách bảo vệ bí mật Nhà nước tại văn phòng hoặc đơn vị hành chính, tổng hợp.

- Các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều 7, Nghị định 26; Tỉnh ủy, Thành ủy, Thị ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phân công người thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật Nhà nước tại văn phòng hoặc đơn vị hành chính, tổng hợp.

Riêng đối với lực lượng vũ trang, cơ yếu, việc phân công người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm bảo vệ bí mật Nhà nước được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật./.

Đỗ Quyền



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Hà Nội thực hiện kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020

Ngày 02/01/2020, UBND thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2020, nhằm tăng cường trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác PCTN; thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp PCTN theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cũng như tăng cường hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành trong công tác PCTN gắn với tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về PCTN.

Kế hoạch đưa ra 8 giải pháp cụ thể sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN

Kế hoạch yêu cầu cần quán triệt, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về PCTN, Luật PCTN năm 2018, các chỉ đạo của Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 17/9/2019 của UBND thành phố về “*tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn thành phố Hà Nội*” nhằm nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội trong công tác PCTN.



Ảnh: ST

Qua đó, chủ động lựa chọn nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng và tình hình nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức, địa phương, bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

Hai là, thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật, các giải pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Điều này nhằm công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động; xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp; thực hiện các quy định về kiểm soát xung đột lợi ích; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn; cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt; cũng như kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; đặc biệt đối với các lĩnh vực: đất đai, tài nguyên, môi trường, công tác đầu thầu, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức...

Ba là, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải gương mẫu, liêm khiết; quyết liệt, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN. Cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về PCTN, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tự kiểm tra phát hiện và xử lý tham nhũng

Cần nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra công vụ về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp tham nhũng, tiêu cực. Nâng cao đạo đức, kỷ luật, kỷ cương công vụ, ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Đặc biệt, nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra trách nhiệm về PCTN của



các cơ quan thanh tra Nhà nước, tập trung vào những nơi có đơn thư tố cáo tiêu cực, tham nhũng, dư luận có nhiều ý kiến. Kịp thời thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, thu hồi tài sản tham nhũng. Tăng cường phối hợp với cơ quan Đảng, cơ quan tư pháp trong công tác đấu tranh phòng, chống, xử lý hành vi tham nhũng; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án tham nhũng phát hiện qua thanh tra.

Năm là, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên nâng cao vai trò phản biện, giám sát việc thực hiện pháp luật PCTN; phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về PCTN, tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, tổ chức, đơn vị. Ngoài ra, tăng cường hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng để PCTN.

Sáu là, thực hiện công tác PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước

Thực hiện các quy định của Luật PCTN, Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN tại khu vực ngoài Nhà nước.

Bên cạnh đó, thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về “tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp”, xây dựng chính quyền phục vụ nhân dân. Đẩy mạnh công tác phát hiện, ngăn chặn, xử lý tình trạng tiêu cực, gây phiền hà, nhũng nhiễu người dân, doanh

nh nghiệp trong giải quyết công việc trên địa bàn thành phố theo Đề án số 56-ĐA/BCĐ của Ban Chỉ đạo chương trình 07-Ctr/TU ngày 25/11/2019.

Bảy là, thực hiện thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội, các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN nhằm tạo hành lang pháp lý chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác PCTN.

Tám là, tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và đối thoại về PCTN theo chỉ đạo của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ.

Thực hiện trách nhiệm, nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế, về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, trao đổi thông tin, kinh nghiệm... trong PCTN kịp thời theo chỉ đạo của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan chức năng.

Để thực hiện được kế hoạch này, UBND thành phố Hà Nội giao Thanh tra Thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch PCTN năm 2020 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiến nghị UBND thành phố các biện pháp thực hiện hiệu quả. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ban Nội chính Thành ủy, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng phát hiện qua công tác thanh tra, giải quyết tố cáo. Đồng thời, hướng dẫn, đôn đốc, các đơn vị thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập; tổng hợp chung, xây dựng báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 của thành phố Hà Nội để báo cáo Thanh tra Chính phủ.

Ngoài ra, Sở Tài chính cũng được giao thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ, định mức tiêu chuẩn để kịp thời phát hiện và báo cáo UBND thành phố xử lý các trường hợp vi phạm.

Kế hoạch PCTN năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ thực hiện Chương trình hành động về công tác PCTN đến năm 2020 và các quy định của Đảng, Nhà nước về PCTN, ngày 20/1/2020, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) đã xây dựng Kế hoạch số 299/KH-BVHTTDL về thực hiện công tác PCTN năm 2020.

Kế hoạch yêu cầu tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp PCTN, trong đó xác định phòng ngừa là chính; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN nhằm phát hiện các hành vi tham nhũng để kịp thời xử lý theo đúng quy định của pháp luật, ngăn chặn các hậu quả do hành vi tham nhũng gây ra.

Để đạt được những yêu cầu trên, cần phải thực hiện các nội dung như sau:

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện và chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định của Luật PCTN, phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các cá nhân, tổ chức có vi phạm theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, chỉ đạo bộ phận tham mưu, các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch công tác PCTN phải bám sát chỉ đạo của Bộ VHTTDL tại kế hoạch này, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ, đề ra các giải pháp và thời gian thực hiện cụ thể.



Tổ chức quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản”; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”.

2. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về PCTN

Các cơ quan, đơn vị tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN trên cơ sở các nhiệm vụ đã giao tại kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021” và kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN năm 2019 và năm 2020”.

Đối tượng tuyên truyền, phổ biến là toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ VHTTDL; hình thức tuyên truyền, phổ biến tùy theo đặc điểm tình hình, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị lựa chọn hình thức tuyên truyền cho phù hợp.

3. Thực hiện các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng

Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng như: Tăng cường công khai minh bạch về tổ chức, hoạt động của cơ quan, đơn vị, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt; minh bạch tài sản, thu nhập; thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp; xây dựng và thực hiện tốt các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

4. Công tác phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng

- Về công tác tự kiểm tra nội bộ: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do mình quản lý nhằm ngăn ngừa và kịp thời phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng. Mỗi đơn vị thực hiện tự kiểm tra ít nhất một lần trong năm 2020.

- Về công tác thanh tra gắn với đấu tranh PCTN: Công tác thanh tra, kiểm tra hướng vào việc phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi những sơ hở, bất cập trong quản lý và cơ chế, chính sách; thúc đẩy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác cải cách hành chính, PCTN và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác xử lý sau thanh tra; các kết luận, kiến nghị, quyết định sau thanh tra cần phải được chỉ đạo xử lý nghiêm, kịp thời theo quy định pháp luật.

- Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi tham nhũng: Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Các vụ việc liên quan đến tham nhũng phải được giải quyết kịp thời, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

THÁNG BA

Tháng Ba: Lúa chín vàng bông
Bên sông hoa cải trở ngồng tháng Ba
Vườn đồi ngọt trái thơm hoa
Rừng hồi, rừng quế: Quê ta bạt ngàn

Nông thôn, thành thị, buôn làng
Người người no ấm ngập tràn niềm vui
Tháng Ba: Nghèo đói xa rồi
Lòng Dân ơn Đảng - Sáng ngời niềm tin!

Lê Xuân Đạm



Ảnh: ST

- Về công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm về PCTN: Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, tự kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện để có biện pháp chấn chỉnh, xử lý các tập thể và cá nhân thực hiện chưa nghiêm.

Trên cơ sở kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị được giao xây dựng kế hoạch công tác PCTN năm 2020 để tổ chức thực hiện tại đơn vị mình và có trách nhiệm định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện theo Mẫu báo cáo số 03 và Biểu mẫu phụ lục số liệu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-TTCT ngày 10/6/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ./.

Phạm Phương Thảo

Bộ môn Pháp luật, Trường Cao đẳng Cảnh sát
nhân dân 1



Vài nét về công tác chống tham nhũng Ở NHẬT BẢN

 **Đỗ Hữu Thùy Dương**

Phó Chánh Thanh tra tỉnh Long An



Ảnh: ST

Tại khu vực Châu Á, ngoài Singapore thì Hong Kong và Nhật Bản là hai đại diện được đánh giá khá cao trong Bảng xếp hạng Chỉ số Cảm nhận tham nhũng năm 2018 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế. Nhật Bản được xếp hạng là một trong những quốc gia có tình trạng tham nhũng ít nhất thế giới nhờ có khung pháp lý mạnh mẽ và được thực thi hiệu quả (từ năm 2010 đến 2018 dao động từ hạng 14

đến 20 trong Bảng xếp hạng Chỉ số Cảm nhận tham nhũng).

Nhật Bản không có luật về phòng, chống tham nhũng và cũng không có cơ quan, bộ phận chuyên trách về phòng, chống tham nhũng. Những đạo luật chủ yếu về chống tham nhũng ở Nhật gồm Bộ luật Hình sự và Đạo luật Phòng ngừa cạnh tranh không lành mạnh. Nhật Bản không có cơ quan thanh tra quốc gia mà chỉ một số thành phố có cơ quan thanh tra. Chính phủ Nhật Bản không tổ chức cơ quan thanh tra

cho doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Thay vào đó, cơ quan cảnh sát quốc gia đóng vai trò tích cực trong cuộc chiến chống tham nhũng.

Hồi lộ trong khu vực công

Hồi lộ của công chức được quy định tại Điều 197 và 198 của Bộ luật Hình sự Nhật Bản. Tại Nhật Bản, hồi lộ được xác định là việc cho, đưa hoặc hứa sẽ đưa hồi lộ, bao gồm bất cứ điều gì thỏa mãn mong muốn của một người, được thực hiện bởi



một cá nhân đối với công chức liên quan đến các nhiệm vụ công sẽ cấu thành tội phạm hối lộ.

Về định nghĩa công chức Nhà nước, theo luật pháp Nhật Bản, một nhân viên Chính phủ hoặc địa phương, thành viên của một hội đồng hoặc ủy ban hoặc một nhân viên tham gia thực hiện các nhiệm vụ công theo luật pháp, các cán bộ và nhân viên của các tổ chức liên quan đến Chính phủ, bao gồm cơ quan hành chính độc lập, cơ quan hành chính hợp nhất địa phương, tập đoàn đại học quốc gia, doanh nghiệp Nhà nước và bệnh viện công được coi là công chức Nhà nước.

Về xử lý hối lộ, các cá nhân tham nhũng bị phạt tù tối đa 3 năm hoặc phạt tiền lên tới 2,5 triệu JPY (hơn 500 triệu VNĐ). Bộ luật Hình sự không quy định hình phạt đối với công ty/pháp nhân. Tuy nhiên, công ty/pháp nhân có thể bị loại khỏi đấu thầu công khai hoặc phải chịu các biện pháp trừng phạt khác theo luật pháp quy định có liên quan (ví dụ: Thu hồi giấy phép).

Đối với quy định về đóng góp chính trị được quy định theo Luật Kiểm soát quỹ chính trị. Trong đó, tuân thủ các quy tắc: (i) Một công ty không được quyền góp liên quan đến hoạt động chính trị cho một thực thể khác ngoài một đảng chính trị hoặc một tổ chức tài trợ chính trị; (ii) Không ai có thể quyền góp tiền liên quan đến bất kỳ hoạt động chính trị nào (ngoại trừ một chiến dịch bầu cử) có sự tham gia của một ứng cử viên cho các cơ quan công quyền được bầu; (iii) Nếu là cá nhân, tổng số tiền quyền góp hàng năm cho một đảng chính trị cụ thể hoặc tổ chức tài trợ chính trị phải dưới 20 triệu JPY (trên 4 tỷ VNĐ); nếu là một công ty, số tiền tối đa từ 7,5 triệu JPY (trên 1,6 tỷ VNĐ) đến 100 triệu JPY (trên 21 tỷ VNĐ), tùy thuộc vào số vốn của công ty; (iv) Tổng số tiền quyền góp hàng năm của một cá nhân cho tất cả các ứng cử viên cho văn phòng công cộng được bầu phải dưới 10 triệu JPY (trên 2 tỷ VNĐ), tổng số tiền quyền

góp hàng năm của một cá nhân cho một ứng cử viên cụ thể cho văn phòng công cộng được bầu phải dưới 1,5 triệu JPY (trên 300 triệu VNĐ); (v) Một công dân hoặc công ty không phải người Nhật Bản không được quyền góp liên quan đến bất kỳ hoạt động chính trị nào; (vi) Đóng góp ẩn danh hoặc quyền góp được thực hiện dưới tên của người khác đều bị cấm.

Đối với những quy định về hạn chế áp dụng cho chi phí giao tiếp (quà tặng, du lịch, bữa ăn, giải trí), tại Nhật Bản, Bộ luật Hình sự không thiết lập các giới hạn về số lượng hoặc chất lượng đối với chi phí khách sạn. Bất cứ thứ gì có giá trị đều có thể cấu thành tội hối lộ theo Bộ luật Hình sự. Điều đáng chú ý là công chức Nhà nước phải tuân theo Đạo luật Đạo đức công quốc gia. Theo đó, công chức Nhà nước không được nhận một bữa ăn từ một người quan tâm trong bất kỳ trường hợp nào ngoài bữa trưa thông thường trong một hội nghị (thường có giá trị từ 2.000 JPY (trên 400 nghìn VNĐ) đến 3.000 JPY (trên 600 nghìn VNĐ) hoặc một bữa tiệc được cung cấp cho nhiều người tham dự (thường là nhiều hơn 20 người tham dự). Ngoài ra, công chức không được nhận lời mời vui chơi giải trí ngay cả khi tự thanh toán chi phí của mình, họ cần phải có được sự chấp thuận từ người giám sát đạo đức. Mặt khác, các công chức tại chính quyền địa phương và các cơ quan hành chính độc lập phải tuân theo các quy định đạo đức hoặc quy tắc đạo đức tương tự được thiết lập bởi các tổ chức đó.

Hối lộ trong khu vực tư

Theo Bộ luật Hình sự Nhật Bản, một người chịu trách nhiệm về các công việc của công ty, với mục đích thúc đẩy lợi ích của chính mình hoặc lợi ích của bên thứ ba, hoặc gây thiệt hại cho công ty, thực hiện một hành vi trong vi phạm nghĩa vụ pháp lý và gây tổn thất tài chính cho công ty, một nhân viên của một công ty tư nhân nhận hối lộ có thể bị trừng phạt theo Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, theo Đạo luật Công ty Nhật Bản, giám đốc của một công ty nhận được lợi ích tài sản dựa trên yêu cầu bất hợp pháp liên quan đến nghĩa vụ của mình sẽ bị trừng phạt.

Đối với xử lý hối lộ lĩnh vực tư, theo Bộ luật Hình sự Nhật Bản, một người phạm tội vi phạm nghĩa vụ pháp lý đã nêu ở trên sẽ bị phạt tù tới 5 năm hoặc phạt tiền tới 500.000 JPY (trên 100 triệu VNĐ). Nếu là giám đốc của một công ty sẽ bị phạt tù tới 5 năm hoặc phạt tiền tới 5 triệu JPY (trên 1 tỷ VNĐ) theo Đạo luật Công ty Nhật Bản.

Tham nhũng của công chức nước ngoài

Hành vi tham nhũng của các công chức nước ngoài bị cấm theo Đạo luật Phòng, chống cạnh tranh không lành mạnh của Nhật Bản (Điều 18). Tham nhũng của một công chức nước ngoài, được định nghĩa là cho, đưa ra hoặc hứa hẹn bất kỳ lợi thế nào cho một công chức để hành động chính thức hoặc kiểm chế hành động liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ chính thức, hoặc để công chức sử dụng chức vụ của mình, dựa vào một công chức nước ngoài khác để khiến hành động hoặc kiểm chế hành động liên quan đến việc thực thi công vụ, qua đó có được hoặc duy trì lợi thế kinh doanh không đúng đắn trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

Về định nghĩa, công chức nước ngoài được xác định là các đối tượng sau:

- Bất kỳ ai tham gia vào các dịch vụ công cho Chính phủ nước ngoài hoặc trong nước;
- Bất kỳ ai tham gia vào các dịch vụ cho một thực thể được thành lập theo luật đặc biệt nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến lợi ích công cộng;
- Bất kỳ ai tham gia dịch vụ cho một doanh nghiệp có số lượng cổ phiếu có quyền bỏ phiếu hay số lượng đăng ký vốn do Chính phủ nước ngoài, quốc gia sở hữu



trực tiếp vượt quá một nửa tổng số cổ phiếu phát hành của doanh nghiệp đó có quyền bỏ phiếu;

- Bất kỳ ai tham gia dịch vụ cho một doanh nghiệp có tổng số vốn đăng ký, hoặc số lượng giám đốc điều hành (bao gồm giám đốc, kiểm toán viên theo luật định, ủy thác, thanh tra viên, người thanh lý hoặc người khác tham gia quản lý doanh nghiệp của mình) được chỉ định, đặt tên bởi Chính phủ nước ngoài hay quốc gia giám đốc điều hành của doanh nghiệp đó và các đặc quyền nước ngoài hoặc chính quyền địa phương được trao cho các đặc quyền đặc biệt của doanh nghiệp đó;

- Bất kỳ ai tham gia vào các dịch vụ công cho một tổ chức quốc tế; bất kỳ ai thực hiện một chức năng công thuộc thẩm quyền của Chính phủ nước ngoài hoặc địa phương hoặc một tổ chức;

Về xử lý tham nhũng của công chức nước ngoài, đối với các cá nhân liên quan có thể phải chịu mức án tối đa 5 năm tù, phạt tối đa 5 triệu JPY (trên 1 tỷ VNĐ). Đối với pháp nhân, trong trường hợp người đại diện, đại lý hoặc nhân viên của pháp nhân hoặc người đã vi phạm liên quan đến hoạt động kinh doanh của pháp nhân, ngoài việc người vi phạm bị trừng phạt, pháp nhân cũng phải chịu trách nhiệm hình phạt không vượt quá 300 triệu JPY (trên 64 tỷ VNĐ). Về giới hạn áp dụng cho chi phí giao tiếp (quà tặng, du lịch, bữa ăn, giải trí), Đạo luật Phòng ngừa cạnh tranh không lành mạnh không thiết lập các giới hạn về số lượng hoặc chất lượng đối với chi phí khách sạn. Bất cứ điều gì có giá trị có thể tạo thành một hối lộ.

Tại Nhật Bản, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp ban hành hướng dẫn phòng, chống hối lộ công chức nước ngoài ngày 26 tháng 5 năm 2004 và cập nhật vào ngày 30 tháng 7 năm 2015. Hướng dẫn giải thích về Đạo luật Phòng ngừa cạnh tranh không lành mạnh và khuyến nghị áp dụng hiệu quả các chương trình tuân thủ, có thể phủ nhận trách nhiệm của một công ty. Hơn nữa, Liên đoàn Luật sư Nhật Bản đã ban hành hướng dẫn phòng, chống hối lộ nước ngoài vào ngày 15 tháng 7 năm 2016, cung cấp các giải pháp thiết thực cho các công ty Nhật Bản hoạt động tại các quốc gia có nguy cơ cao thông qua việc giới thiệu các chương trình tuân thủ và điều tra nội bộ khi liên quan đến hối lộ nước ngoài.

Thực tế cho thấy, hệ thống pháp luật Nhật Bản không có một cơ quan quản lý cụ thể với trách nhiệm độc quyền để truy tố tham nhũng. Cơ quan công tố giám sát các hoạt động do các công tố viên thực hiện. Các thành phố lớn có cơ quan điều tra đặc biệt trong tổ chức của viện công tố gồm các công tố viên được đào tạo và có kinh nghiệm nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ điều tra. Và điều đặc biệt là ở đất nước này, bất kỳ công tố viên nào cũng có thể truy tố tham nhũng./.

Theo <https://globalcompliance.com>

LÀ PHỤ NỮ...

Là phụ nữ đừng nghĩ phải hy sinh,
Dù thế nào cũng lo mình trước hết.
Biết nghỉ ngơi khi thấy lòng mỏi mệt.
Không yêu mình còn có thể yêu ai?

Là phụ nữ cũng phải biết vui chơi,
Biết tận hưởng để tâm hồn trẻ mãi.
Thời gian trôi không thể nào lấy lại.
Chả mấy chốc mà hết cả thanh xuân!

Là phụ nữ phải chăm chút áo quần,
Biết trang điểm cho chính mình luôn đẹp,
Thỉnh thoảng cũng sắm đôi giày, đôi dép.
Để ông chồng khỏi tư tưởng người dưng!

Là phụ nữ chị em ơi xin đừng:
Phải cam chịu trước những điều vô lý.
Hôn nhân gia đình luôn rất đáng quý
Nhưng khi cần cũng phải quyết cho nhanh.

Là phụ nữ chữ công dung ngôn hạnh
Có thì hay mà không cũng chẳng sao.
Vi dù bạn có sống tốt thế nào
Cũng chẳng thể vừa hết lòng thiên hạ.

Là phụ nữ phải biết mình đáng giá
Đừng để ai xúc phạm bản thân mình.
Thân thể này do cha mẹ ta sinh
Cố sao để cho người đời vui đập!?

Là phụ nữ dù là gầy hay mập
Phải biết làm mình hấp dẫn, đẹp xinh.
Luôn yêu thương, chăm chút bản thân mình
Để giữ chân ông chồng ham của lạ!

Lời cuối cùng chúc phụ nữ Thanh tra:
Trong cuộc sống luôn ngập tràn hạnh phúc
Trong công việc thì hết mực công tâm
Cố gắng nâng cao cả trí lẫn tầm
Là gương sáng để muôn người soi chiếu!

Lưu Thị Hào

(Thanh tra thị xã Thái Hòa)

PV GAS kiên quyết ứng phó chủ động với dịch bệnh COVID - 19



Khu vực sảnh tòa nhà PV GAS có trang bị dung dịch sát khuẩn cho người đến tòa nhà

Thực hiện Chỉ thị của Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách nhằm ứng phó với tác động kép của dịch bệnh COVID-19 và giá dầu sụt giảm, PV GAS tiếp tục triển khai các bước hành động kiên quyết, đồng tâm nhằm đảm bảo SXKD và thực hiện an ninh - an toàn hệ thống khí.

Đến giữa tháng 3, dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam lan truyền tăng nhanh với nhiều ca lây nhiễm mới do tiếp xúc gần với người mang mầm bệnh mà các đối tượng liên quan không biết và không có thực hiện các biện pháp phòng vệ ngăn ngừa nhiễm bệnh.

Xác định đề cao nhiệm vụ cùng trách nhiệm ứng phó chủ động với tác động kép của dịch bệnh COVID-19 và giá dầu sụt giảm, PV GAS đã lập tức xây dựng và triển

khai Kế hoạch ứng phó với dịch bệnh COVID - 19 để đảm bảo SXKD liên tục. Trước đó, Tổng công ty cũng đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 với nhiệm vụ: Chỉ đạo việc thiết lập và duy trì Hệ thống chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra tại các đơn vị của Tổng Công ty; Điều hành chỉ đạo các hoạt động ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra ứng với từng cấp độ/giai đoạn dịch xảy ra của từng đơn vị/TCT nơi có dịch bệnh.

Tại Kế hoạch ứng phó với dịch bệnh COVID - 19, Lãnh đạo PV GAS đã phân định trách nhiệm và hướng dẫn công tác phòng chống, ứng cứu khẩn cấp cho tình huống dịch bệnh COVID-19 có thể xảy ra tại các đơn vị của PV GAS, nhằm các mục tiêu cụ thể: Duy trì quá trình vận hành liên tục các công trình khí để đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia; Đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của PV GAS; Hạn chế sự lây nhiễm, ảnh hưởng sức khỏe và thiệt

hại tính mạng của người lao động (NLĐ) trong toàn Tổng Công ty và cộng đồng. Kế hoạch được triển khai thực hiện ở tất cả Văn phòng, các Ban, Trung tâm thuộc Cơ quan điều hành Tổng công ty, các Công ty trực thuộc, các Ban Quản lý các dự án; Nhà thầu, khách đến làm việc, tham quan công trình khí, tòa nhà PV GAS.

Kế hoạch đã phân vùng khu vực kiểm soát cho các Công trình khí quan trọng; xác định các giai đoạn ứng phó với dịch bệnh bao gồm các dấu hiệu nhận biết, các biện pháp tăng cường ứng phó thích hợp, việc chuẩn bị sẵn sàng kích hoạt giai đoạn tiếp theo khi dịch bệnh tăng cao. Bản Kế hoạch cũng được triển khai quyết liệt với việc phân định trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ hết sức cụ thể, công bố danh sách thông tin liên lạc khẩn cấp của Văn phòng ứng cứu sự cố PV GAS và Danh sách Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh COVID-19 của TCT.

Cũng nhằm phục vụ điều phối và triển khai công tác chủ động trong bối cảnh dịch bệnh lan nhanh, PV GAS đã ban hành Hướng dẫn tạm thời về chế độ làm việc từ xa. Hướng dẫn này vận dụng Điều 185 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định “Người lao động có thể thỏa thuận với người sử dụng lao động để nhận việc về làm thường xuyên tại nhà”, nhằm phục vụ yêu cầu về an toàn bảo vệ theo mức độ ưu tiên Con Người - Môi trường - Tài sản (như quy định của Pháp luật và Quy trình ứng cứu khẩn cấp của PV GAS).

Chế độ làm việc từ xa chỉ áp dụng đối với người lao động làm việc theo giờ hành chính thuộc Văn phòng Cơ quan Tổng công ty/Đơn vị; Hướng dẫn thực hiện việc hạn chế sự lây lan của dịch bệnh trong trụ sở hoặc trong những thời điểm cần thiết, khi NLD phải làm việc từ xa hoặc tại nhà trong trường hợp bất khả kháng/thiên tai/dịch bệnh...; đồng thời vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp lý cho NLD, tạo điều kiện cho NLD yên tâm cách ly/điều trị bệnh tại nhà; đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty được duy trì thường xuyên liên tục.

Cũng nhằm mục tiêu hạn chế lây lan bệnh dịch, PV GAS còn tăng cường các chức



NLD PV GAS được yêu cầu đeo khẩu trang và các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh

năng phục vụ công tác qua mạng, tận dụng mọi năng lực thông tin liên lạc trên các phương tiện công nghệ thông tin, nhưng vẫn duy trì tính bảo mật và chất lượng truyền tin. Hầu hết các hệ thống công nghệ phục vụ họp trực tuyến đều được tận dụng hết công suất, nhằm đảm bảo mạch liên lạc SXKD không bị hạn chế, trong điều kiện hạn chế gặp gỡ, tiếp xúc đông người.

Tại một số cuộc họp bắt buộc, số lượng thành viên dự họp được hạn chế tối thiểu. Mọi thành viên dự họp đều được đo nhiệt độ, được yêu cầu đeo khẩu trang, ngồi họp cách xa nhau. Các biện pháp phòng chống dịch bệnh bổ sung được trang bị ở mọi trụ sở, hệ thống khí của PV GAS: gel sát khuẩn, dung dịch rửa tay y tế, khẩu trang...

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong Quý I/2020, Tạp chí Thanh tra đã nhận được những bài viết cộng tác của các đồng chí: PGS.TS Ngô Văn Thọ (Hội đồng Lý luận Trung ương), PGS. TS Vũ Thư (Viện Nhà nước và pháp luật), TS. Đinh Văn Minh, TS. Trịnh Văn Toàn, TS. Trần Văn Long, TS. Nguyễn Thị Thu Nga, Ths. Lê Văn Đức, Ths. Nguyễn Phương Vy, Ths. Đặng Thùy Trâm, Ths. Phạm Thị Phương, TS. Trần Thị Hương (Học viện Báo chí và Truyền thông), TS. Nguyễn Thị Dung, Ths. Lê Thị Hương Thủy (Viện Nghiên cứu lập pháp), TS. Nguyễn Anh Hùng (Viện Nghiên cứu châu Mỹ), TS. Nguyễn Xuân Văn (Học viện Cảnh sát nhân dân), TS. NCVC Trần Văn Duy (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), Ths. Nguyễn Thị Kim Liên, Ths. Lưu Thị Tuyết Trinh (Bảo tàng Hồ Chí Minh), Ths. Đỗ Thị Diệp (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), Ths. Trần Thị Kim Ngân (Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và phát triển nông thôn 1), Ths. TTVC Lê Thị Thu (Bộ Tư pháp), Nguyễn Hữu Quân, Đỗ Thiên Hoàng (Bộ Khoa học và công nghệ), Đỗ Hữu Thùy Dương (Thanh tra tỉnh Long An), Lê Thị Hằng, Thanh Nga (Học viện Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh), Hoàng Đình Dũng (Tòa án quân sự khu vực 2, quân khu 4), cùng một số tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ thường xuyên cộng tác với Tạp chí Thanh tra như: Ma Văn Khánh, Cao Văn Quyền, Nguyễn Hùng Vĩ, Nguyễn Chí Ngoan, Huỳnh Thị Kim Cương, Nguyễn Văn Chiến, Trần Văn Thiên, Ths. Bùi Đức Hạnh, Minh Trang, Phúc Khánh, Đào Hạnh, Lê Hoài Minh, Lê Xuân Đạm, Lê Hiếu Trung, Lê Hồng Diệp, Huỳnh Tuyền, Trần Thanh Thoa, Lưu Thị Hảo, họa sĩ Phạm Tấn Phú. Một số bài viết đã được đăng tải trên Tạp chí Thanh tra, còn lại một số bài viết hiện đang được Ban Biên tập nghiên cứu để sử dụng trong những số Tạp chí tiếp theo.

Tạp chí Thanh tra xin gửi lời cảm ơn chân thành về những đóng góp tích cực và sự cộng tác chặt chẽ của toàn thể đội ngũ cộng tác viên đối với Tạp chí Thanh tra.

Trong thời gian tới, Tạp chí Thanh tra mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm cộng tác nhiều hơn của các đồng chí. Bài viết xin gửi về Phòng Phóng viên & Biên tập, Tạp chí Thanh tra - Trụ sở 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội; SĐT: 080.49073; Fax: 080.49065; Email: Tapchithanhtrabtb@gmail.com/.